

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương lớp 10
sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh Lạng Sơn**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 33/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định việc thẩm định tài liệu giáo dục địa phương;

Căn cứ Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc đề nghị phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương lớp 10 tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Công văn số 1174/UBND-KGVX ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc chỉnh sửa, hoàn thiện tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Lạng Sơn lớp 10;

Căn cứ Biên bản thẩm định tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Lạng Sơn, lớp 10;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Lạng Sơn lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả sử dụng tài liệu được phê duyệt tại Điều 1 trong quá trình triển khai Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để báo cáo);
- Ủy ban Văn hoá, Giáo dục của Quốc hội (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ GDTTH.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Độ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HOÀNG QUỐC TUẤN - HÀ THỊ KHÁNH VÂN (đồng Tổng Chủ biên)
NGÔ THẾ ANH, ĐẶNG HỒNG CƯỜNG, TRẦN MINH CHÂU, VŨ TRÚC HÀ, TRƯƠNG THÚY NGÀ,
HOÀNG VĂN THAO, TRIỆU HOÀNG THÚY, LƯƠNG ÁNH TUYẾT (đồng Chủ biên)
NÔNG THỊ CHI, CHU THỊ HỒNG CHINH, NGÔ THỊ HÀ, NGUYỄN THỊ HOÀI HẠNH, LÀNH HƯƠNG LAN,
HOÀNG THU PHƯƠNG, HOÀNG NGỌC ANH THƠ, NINH VĂN XA, HOÀNG THỊ KHÁNH XUÂN

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH LẠNG SƠN
LỚP 10

Cuốn *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Lạng Sơn lớp 10* được thiết kế gồm 4 hoạt động. Thầy cô sẽ hướng dẫn học sinh theo những chỉ dẫn này. Các em cũng có thể theo các chỉ dẫn này để tự học.

KHỞI ĐỘNG/MỞ ĐẦU

Gợi mở những vấn đề liên quan đến nội dung chủ đề, tạo hứng thú cho học sinh đối với bài mới.



KHÁM PHÁ/HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Phát hiện, hình thành các kiến thức mới, kĩ năng mới.



LUYỆN TẬP/THỰC HÀNH

Củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng theo nội dung, yêu cầu cần đạt của chủ đề.



VẬN DỤNG

Vận dụng những tri thức, kĩ năng đã được hình thành, rèn luyện để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.



Nội dung giáo dục địa phương trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cấp Trung học phổ thông là nội dung giáo dục bắt buộc, có vị trí tương đương các môn học khác.

Nội dung tài liệu chứa đựng những vấn đề cơ bản, mang tính thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp của tỉnh Lạng Sơn nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết về nơi sinh sống; bồi dưỡng tình yêu và niềm tự hào về quê hương, gắn bó và có trách nhiệm với quê hương, cộng đồng; giáo dục sự trân trọng và có ý thức giữ gìn truyền thống quê hương; phát huy tiềm lực và thế mạnh địa phương, vận dụng những kiến thức và kĩ năng đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của địa phương, chuẩn bị cho cuộc sống xã hội và nghề nghiệp.

Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Lạng Sơn lớp 10 được biên soạn bao gồm khung chương trình và tài liệu dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục; được thiết kế gồm 9 chủ đề thuộc 3 cụm lĩnh vực với tổng thời lượng là 35 tiết/năm học. Việc biên soạn tài liệu được thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục và pháp luật liên quan. Nội dung, thông tin thể hiện tính khoa học, tính sư phạm cao; đồng thời bám sát mục tiêu đổi mới giáo dục, đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh tương ứng với lớp, cấp học, giúp cho giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức dạy học tích cực, đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá nhằm phát huy tối đa tính tự giác, tích cực, sáng tạo của giáo viên và học sinh.

Nhóm biên soạn *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Lạng Sơn lớp 10* là các chuyên gia, các nhà khoa học; các thầy, cô giáo là cán bộ quản lí, giáo viên cốt cán cấp Trung học phổ thông của tỉnh Lạng Sơn, giảng viên Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn. Tài liệu đã nhận được sự góp ý của các cơ quan, các nhà khoa học, cán bộ quản lí giáo dục, giáo viên cấp Trung học phổ thông trong tỉnh thông qua các hội nghị, hội thảo; đồng thời đã được tổ chức dạy thực nghiệm tại trường Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh, được các thầy, cô và học sinh đánh giá là tài liệu có tính khả thi và thực tiễn cao. Tài liệu đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lạng Sơn thẩm định và Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt. Đây là tài liệu giáo dục địa phương chính thức được sử dụng trong tất cả các trường có cấp Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Chúc các em học tập tốt và trải nghiệm thật vui !

LĨNH VỰC VĂN HÓA, LỊCH SỬ	5
<i>Chủ đề 1. Truyền cổ tích Lạng Sơn</i>	5
<i>Chủ đề 2. Ẩm thực và sản vật xứ Lạng</i>	10
<i>Chủ đề 3. Một số làn điệu Then tiêu biểu của tỉnh Lạng Sơn</i>	22
<i>Chủ đề 4. Người nguyên thủy trên vùng đất Lạng Sơn</i>	26
<i>Chủ đề 5. Lạng Sơn trong việc thực thi chính sách dân tộc của các triều đại phong kiến từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX</i>	36
LĨNH VỰC ĐỊA LÍ, KINH TẾ, HƯỚNG NGHIỆP	42
<i>Chủ đề 6. Phát huy thế mạnh của địa phương về vị trí địa lí để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lạng Sơn</i>	42
<i>Chủ đề 7. Thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lạng Sơn</i>	48
LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG	58
<i>Chủ đề 8. Khái quát chính quyền cơ sở tỉnh Lạng Sơn</i>	58
<i>Chủ đề 9. Phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường tại Lạng Sơn</i> ...	65

CHỦ ĐỀ 1

TRUYỆN CỔ TÍCH LẠNG SƠN

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện nói chung và truyện cổ tích nói riêng như: cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật, lời người kể chuyện ngôi thứ ba và lời nhân vật, thông qua một truyện cổ tích tiêu biểu của Lạng Sơn.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của truyện cổ tích đã học; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện cổ tích đã học.

- Thuyết trình được về nội dung và nghệ thuật của một số truyện cổ tích khác của Lạng Sơn.

- Yêu mến, trân trọng những người lao động.

KHỞI ĐỘNG

Kể tên những truyện cổ tích Lạng Sơn mà em biết.

TÌM HIỂU BÀI ĐỌC

Chuẩn bị

Khi đọc truyện cổ tích, các em cần chú ý:

- Thời gian, không gian, nhân vật chính của truyện.
- Những sự kiện trong truyện.
- Những chi tiết hoang đường kì ảo. Tác dụng của những chi tiết này trong việc thể hiện nội dung và nghệ thuật của truyện.
- Tình cảm, thái độ, ước mơ của người xưa gửi gắm trong truyện.

Thàng Cao Chứa

Ngày xưa có anh chàng mồ côi tên là Thàng Cao Chứa. Chàng phải làm nghề bán củi để nuôi thân từ năm mười ba tuổi. Tuy làm việc vất vả, phải ăn đói mặc rách nhưng chàng rất chóng lớn. Năm 17 tuổi, chàng đã cao lớn, khỏe mạnh như nhiều chàng trai mười chín, hai mươi và rất hiền lành, chăm chỉ nên được mọi người trong bản và vùng quanh đó yêu mến. Chàng còn có lòng thương đối với các loài vật. Con trâu hàng xóm đến rút rạ mái nhà của chàng, chàng chỉ đuổi đi chứ không đánh đập. Có đàn kiến bò lên chạn bát của chàng, chàng cũng chỉ nhẹ tay quét đi chứ không giết con nào. Chàng cho là chúng cũng đói và cũng phải đi kiếm ăn vất vả như mình.

Một hôm chàng gánh củi ra chợ bán, gặp ngày trời mưa dầm nên phải bán rẻ. Bán xong, chàng đi tìm hỏi mua gạo ở những nhà trong chợ thì thấy nhà nọ mua được con rấn mai hoa rất đẹp và đang sắp sửa làm thịt. Khi chàng đến gần, con rấn nhìn chàng chằm chặp, đôi mắt đỏ hoe. Thấy vậy, chàng thương quá, năn nỉ mua lại. Người kia đang lúc thiếu vài thứ gia vị liền bằng lòng bán lại con rấn cho chàng. Chàng bỏ ngay số tiền bán củi ra mua lấy con rấn, rồi nhẹ nhàng đem nó ra bờ sông thả xuống nước. Con rấn nhoai đi nhoai về một lúc rồi ngoảnh lại nói với Thàng Cao Chứa:

- Được chàng cứu sống, sau này thiếp xin trả ơn xứng đáng.

Nói xong, con rấn cúi đầu chào Thàng Cao Chứa rồi lặn xuống vực sâu. Thàng Cao Chứa khoan khoái trở về nhà, chẳng nghĩ gì đến lời hứa trả ơn của con rấn.

Ngày hôm ấy, chàng không mua được gạo đành vác cuốc lên sau nhà đào củ pa pấu¹ đem về nướng ăn trừ bữa.

Sáng hôm sau chàng lại vào rừng hái củi. Chàng gặp rất nhiều củi cành khô nỏ nên chỉ một lúc đã kiếm được hai bó nặng. Trong lúc Thàng Cao Chứa toan ghé vai vác hai bó củi thì có tiếng cười giòn giã ở mé rừng sâu vọng lại làm chàng giật mình. Chàng ngoảnh lại nhìn, thấy một cô gái mặc quần áo hoa, da dẻ trắng hồng, tiến lại phía mình. Nàng vừa đi vừa gọi:

- Ôi! Thàng Cao Chứa! Chàng không nhắc nổi hai bó củi nặng ấy đâu, để thiếp giúp một vai.

Thấy người con gái lạ nói đúng tên mình Thàng Cao Chứa rất ngạc nhiên bởi vì chàng chưa bao giờ quen biết cô gái nào. Nay ở chốn rừng sâu thanh vắng này tự nhiên lại có cô gái xinh đẹp gọi đúng tên mình, chàng vừa sợ, vừa mừng. Chàng lại tiếp tục cúi xuống định vác hai bó củi nhưng quả đúng là chúng rất nặng, không sao nhắc nổi. Giữa lúc ấy, cô gái đã đến trước mặt chàng. Hai tay nàng giữ lấy hai bó củi, miệng chum chim cười, nhỏ nhẹ nói với chàng:

- Thiếp đã bảo mà! Chàng cứ để đấy, lát nữa thiếp sẽ gánh đỡ về cho chàng.

¹ củ pa pấu: củ nâu: cây thân leo cùng họ với củ từ, mọc ở rừng, thân có gai ở phần gốc, củ sần sùi, dùng để nhuộm màu nâu, có thể ăn được.

Trước vẻ tự nhiên, thật thà của cô gái, Thành Cao Chúa chưa biết trả lời thế nào. Thấy chàng có vẻ lúng túng, cô gái lại hỏi:

- Chẳng hay lối nào là đường về nhà, chàng hãy đi trước dẫn đường, thiếp sẽ gánh củi theo sau.

Thành Cao Chúa vẫn đứng ngẩn ngơ, hết nhìn nàng lại nhìn gánh củi. Cô gái lại nói:

- Chắc chàng lạ lắm hả? Thiếp là người quen của chàng đây mà.

Rồi cô gái cho biết nàng chính là con rấn mai hoa hôm qua được Thành Cao Chúa cứu. Nàng là con gái Long Vương. Nay xin cha mẹ cho lên đây để ngày đêm nâng khăn sửa túi, đền đáp ơn chàng. Nghe vậy, Thành Cao Chúa từ chối khéo rằng chàng vô cùng sung sướng vì được cha mẹ nàng và nàng thương yêu, nhưng chàng thân phận mồ côi nghèo hèn, cuộc sống thiếu thốn. Còn nàng thân là công chúa, đã quen với cuộc sống sung túc. Nếu sống với chàng sẽ phải chịu đói rách, vất vả quanh năm, nên xin nàng đừng đến ơn đáp nghĩa như vậy.

Nghe Thành Cao Chúa nói những lời chân thật, công chúa càng thương mến. Nàng tha thiết biện lý rằng:

- Sự gặp gỡ hôm qua là do duyên trời đưa đẩy. Lòng thiếp đã quyết, xin chàng đừng từ chối khiến thiếp phải tủi phận hờn duyên.

Thấy công chúa thành thực nói lời gắn bó, Thành Cao Chúa đành phải nhận lời. Chàng mời nàng đi trước rồi quay lại vác củi, nhưng công chúa giục chàng đi dẫn đường rồi nhắc bổng gánh củi lên vai. Thành Cao Chúa cảm phục sức khỏe hơn người của nàng.

Hai người về đến nhà giữa lúc người làng đang sửa soạn nấu cơm trưa. Đặt gánh củi xuống sân, công chúa nói với Thành Cao Chúa:

- Gánh củi này là của tiên cho. Chúng ta để dành đun dần. Chiều nay chúng ta sẽ đi kiếm một gánh khác đem bán lấy tiền mua gạo.

Thành Cao Chúa ngập ngừng:

- Nhưng... còn gạo bữa trưa nay? Tôi có thể ăn được củ pa pấu nướng trừ bữa, còn nàng ăn sao được.

Công chúa mỉm cười nói:

- Chàng ăn cái gì thì thiếp cũng ăn được cái đó.

Thành Cao Chúa vác cuốc lên sau nhà bởi một lúc được hai củ pa pấu đem về nướng rồi hai vợ chồng cùng ăn. Ăn xong, công chúa bảo chồng hãy đi ngủ trưa một giấc cho lại sức. Nàng sẽ đỡ chàng thu xếp những việc vặt trong nhà.

Nể lời vợ, Thành Cao Chúa lên giường ngủ. Đợi chồng ngủ say, công chúa làm phép biến cái lều nhỏ thành một tòa nhà đồ sộ, trong nhà bày biện đủ các thứ đồ dùng bằng vàng, bằng bạc.

Mặt trời xế bóng, Thành Cao Chúa bừng tỉnh dậy, thấy mình nằm ở trên giường cao, đệm ấm trong một tòa nhà lộng lẫy. Chàng giật mình nhảy xuống đất gọi vợ.

Công chúa tươi cười nói với chồng:

- Đây là nhà của chúng ta. Ông trời vừa ban phúc lành.

Từ đấy, hai vợ chồng Thành Cao Chúa chung sống yên vui trong tòa nhà tráng lệ với nhiều cửa cải quý giá. Người làng thấy vậy rủ nhau tới chúc mừng.

Tin Thành Cao Chúa có vợ đẹp, có nhà cao, cửa rộng đồn đại khắp xa gần. Nhà vua nghe tin bèn thân chinh đến tận nơi xem xét. Thấy nhà vua kéo quan quân, binh mã đến, Thành Cao Chúa cùng vợ ra nghênh đón. Nhà vua thấy vợ Thành Cao Chúa xinh đẹp như một nàng tiên giáng thế liền hô quân trói Thành Cao Chúa, định đưa về cung giam giữ, viện cớ là người cùng đinh dám ngạo mạn làm nhà to hơn cung điện nhà vua. Công chúa liền thưa:

- Chồng tôi không có tội lỗi gì, sao thiên tử lại bắt giam người vô cớ?

Rồi nàng xin nhà vua hãy thả Thành Cao Chúa. Nếu có sự phạm thượng nàng xin chịu tội.

Nhà vua khắp khởi mừng thầm nhưng vẫn làm ra vẻ nghiêm nghị bắt Thành Cao Chúa phải nhường vợ đẹp.

Công chúa ra vẻ thuận tình, tươi cười bảo nhà vua hôm nay hãy tạm lui về cung. Sáng mai cho kiệu tới bờ biển đón nàng.

Nhà vua tin lời, thả Thành Cao Chúa rồi hò hét quan quân rút về triều.

Đêm hôm ấy, công chúa thủ thủ với chồng:

- Nếu trần gian còn có lão vua này thì dân chúng còn phải chịu khổ cực. Hắn đã cướp mất không biết bao nhiêu vợ hiền, dâu thảo của những người dân lương thiện. Thiếp sẽ dùng mưu giết hắn để trừ họa cho muôn dân. Nghe thiếp, mai chàng hãy đi vắng một buổi để thiếp liệu việc.

Thành Cao Chúa bằng lòng.

Tinh mơ ngày hôm sau, công chúa làm phép dựng một tòa lầu đài lộng lẫy ở giữa biển cả. Đúng lúc mặt trời vừa ló, y lời hẹn, lão vua hiếu sắc kéo quan quân đến bãi biển. Nhìn thấy công chúa đứng trên lầu tươi cười vẫy tay, lão vua mừng không sao tả xiết, liền sai binh sĩ khiêng kiệu rộng đi theo đường cầu lên lầu cao. Đến gần công chúa, lão xuống kiệu, chạy tới định ôm nàng. Nàng né tránh và mời nhà vua vào trong nhà nói chuyện. Lão vua cười híp mắt. Nàng đưa lão vào một phòng trang hoàng đẹp đẽ rồi nói dối là ra ngoài gọi người hầu bưng trà lên.

Kế đó, nàng ra cuối lầu nín thở vẫy tay làm phép. Tòa lầu đài nguy nga lộng lẫy bỗng phát ra một tiếng nổ long trời lở đất rồi đổ ầm ầm. Lão vua hốt hoảng chạy ra cửa phòng gọi quan quân ứng cứu. Đường lúc đó đám quan quân cũng đang hốt hải, xô nhau tìm đường chạy chết. Nhưng chúng chưa kịp rời đi thì cả tòa lầu đài đã chìm ngấm xuống đáy biển.

Giết xong tên vua hiếu sắc, công chúa trở về với Thành Cao Chúa. Hai người sống yên ấm bên nhau trong tòa nhà lộng lẫy nọ giữa cảnh thái bình của muôn dân.

(Theo Nguyễn Duy Bắc, Truyện cổ xứ Lạng, Tập I, NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 1999)

Em có biết?

- Truyện cổ tích là loại hình tự sự dân gian, có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo, kể về số phận và cuộc đời của nhân vật trong các mối quan hệ xã hội. Truyện cổ tích thể hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động xưa.

- Đồng bào Lạng Sơn đã sáng tạo và lưu giữ một kho tàng truyện cổ tích phong phú, bao gồm đầy đủ cả ba tiểu loại của truyện cổ tích. Truyện cổ tích thần kì (*Tài Xì Phòong, Chim Phàng náo, Hai anh em và ba con tinh*) phản ánh được nhiều vấn đề rộng lớn của xã hội, những ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp với mỗi con người. Truyện cổ tích về loài vật (*Thỏ làm chúa sơn lâm, Hồ ơn người, Hồ không ăn thịt mèo*) nói về các con vật quen thuộc trong cuộc sống của đồng bào. Truyện cổ tích sinh hoạt (*Sự tích hoa bích đào, Đá trông chồng, Chàng rể lười*) phác họa một cách đa dạng về cuộc sống, xã hội, tâm tư, tình cảm, ước mơ, suy nghĩ của người dân nơi đây.

Câu hỏi tìm hiểu bài

1. Xác định thời gian, không gian, nhân vật trong truyện cổ tích trên.
2. Truyện cổ tích “Thàng Cao Chúa” có những sự kiện chính nào? Em thích sự kiện nào nhất? Vì sao?
3. Vì sao “Thàng Cao Chúa” được xếp vào nhóm truyện cổ tích thần kì?
4. Theo em, Thàng Cao Chúa có tính cách như thế nào? Tìm một số lời nhân vật và lời người kể chuyện trong câu chuyện để khẳng định nhận xét ấy của em.
5. Phần kết thúc truyện gợi ra cho em những suy nghĩ gì ?

LUYỆN TẬP

1. Viết một văn bản nghị luận (khoảng 300 chữ) phân tích nhân vật Thàng Cao Chúa trong truyện cổ tích trên.
2. Thuyết trình trước lớp về chủ đề, những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của truyện Thàng Cao Chúa.

VẬN DỤNG

1. Tìm đọc một số truyện cổ tích khác của Lạng Sơn.
2. Viết một văn bản nghị luận (khoảng 500 chữ) phân tích, đánh giá chủ đề, những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của một truyện cổ tích Lạng Sơn em sưu tầm được.
3. Trao đổi những nội dung em đã tìm hiểu được về một truyện cổ tích Lạng Sơn.

ẨM THỰC VÀ SẢN VẬT XỨ LẠNG

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- *Nêu được tên, giá trị của món ăn và sản vật nổi tiếng Lạng Sơn.*
- *Thực hiện được một số việc làm cụ thể để quảng bá ẩm thực và sản vật Lạng Sơn.*

KHỞI ĐỘNG

Lạng Sơn là tỉnh nằm ở phía Đông Bắc Việt Nam, có cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, núi non hùng vĩ, khí hậu trong lành, mát mẻ, hệ thống sông hồ tương đối đa dạng. Lạng Sơn có 7 dân tộc chính là Nùng, Tày, Dao, Mông, Hoa, Sán Chay và Kinh cư trú xen kẽ, hòa thuận, tính cố kết cộng đồng cao. Đời sống kinh tế chủ yếu là trồng trọt và chăn nuôi, một bộ phận nhỏ buôn bán, làm nghề thủ công và làm các ngành nghề khác. Đời sống văn hóa tinh thần, phong tục tập quán rất đa dạng tạo nên bức tranh về văn hóa xứ Lạng độc đáo biểu hiện qua tiếng nói, chữ viết, trang phục, ẩm thực, kiến trúc nhà ở, văn học, nghệ thuật, tập quán sinh hoạt cộng đồng... Trong những di sản văn hoá trên, ẩm thực là một trong những đặc trưng, độc đáo của nhân dân các dân tộc Lạng Sơn.

Xuất phát từ nền sản xuất nông nghiệp trồng trọt và chăn nuôi là chủ yếu nên các món ăn thường được sử dụng trong đời sống hàng ngày của người Lạng Sơn rất phong phú và đa dạng. Chủ yếu là các loại thực phẩm như gạo nếp, gạo tẻ; các loại hạt đậu đỗ; thịt lợn, gà, vịt, trâu, bò, tôm, cá, cua, rau củ quả, rượu, gia vị, muối, mì chính...; phương pháp chế biến chủ yếu là nấu, đồ, hầm, kho, luộc, nướng, hấp, muối chua, phơi khô... Tuy nhiên, phương pháp, cách thức ăn uống của từng dân tộc ở Lạng Sơn lại có những nét khác nhau. Món ăn của người Hoa thì chế biến cầu kỳ, nhiều dầu mỡ, sử dụng nhiều gia vị, cay nóng, phù hợp với thời tiết lạnh. Ẩm thực của người Tày, Nùng thì phong phú, chế biến đơn giản nhưng tinh tế, đẹp mắt... Nhìn chung, ẩm thực Lạng Sơn tương đối đa dạng và phong phú cả về món ăn, phương pháp chế biến, sử dụng nhiều gia vị, do đó nhiều món ăn có hương vị rất đặc trưng và có giá trị dinh dưỡng cao.



- Học sinh kể tên, chia sẻ về những món ăn và sản vật Lạng Sơn.
- Học sinh chuẩn bị một số hình ảnh món ăn, sản vật và quan sát, nhận xét một số món ăn và sản vật Lạng Sơn

KHÁM PHÁ

I. MỘT SỐ MÓN ĂN NỔI TIẾNG CỦA LẠNG SƠN

1. Món vịt quay

Vịt quay là một trong những món ăn truyền thống, là đặc sản ở Lạng Sơn. Món ăn được chế biến từ thịt vịt bầu, mỡ ít, thịt dày, được chế biến kết hợp sử dụng nhiều gia vị, đúng phương pháp truyền thống để được món vịt quay có hương thơm đặc trưng, thịt ngọt, da giòn, hấp dẫn và có giá trị dinh dưỡng cao.

- Chuẩn bị nguyên liệu:

+ Vịt nguyên con, được sơ chế (mổ, làm sạch, treo lên để ráo nước). Chọn vịt bầu, mỡ ít, thịt dày để được món vịt quay ngon.

+ Lá mắc mật tươi, quả mắc mật tươi hoặc khô.

+ Tương tàu choong (đạm tương).

+ Hành khô, gừng, tỏi, tiêu, muối, bột ngọt, giấm, mật ong,...

- **Cách chế biến:** Vịt sau khi được sơ chế sẽ dùng ống bơm thổi cho da vịt phồng lên; dùng mật ong hoà với giấm và xoa đều lên thân con vịt. Bên trong ướp tẩm gia vị gồm: lá, quả mắc mật, gừng băm nhỏ, xì dầu, tương tàu choong và một số gia vị khác, rồi khâu kín lại. Thả vịt vào chảo ngập dầu mỡ hoặc cho vào lò để quay đến khi chín vàng đều thì vớt ra, chặt, xếp lên đĩa. Nước và hỗn hợp gia vị bên trong được dùng làm nước chấm. Hiện nay, với công nghệ hiện đại, nhiều người cũng đã dùng lò cải tiến để quay vịt.

- **Yêu cầu sau chế biến và trình bày:** Món vịt quay đạt yêu cầu phải vàng đều, da giòn, thịt chín, ngọt đậm, có vị thơm đặc trưng của lá mắc mật. Khi bày món, vịt quay được chặt miếng xếp vào đĩa, để phần da bên trên, điểm thêm vài lá mắc mật. Dùng nước gia vị trong bụng con vịt khi quay làm nước chấm hoặc chấm với xì dầu, ăn nóng.

Vịt quay là món ăn không thể thiếu trong các bữa cơm sang trọng, các dịp lễ tết, tiếp khách của nhân dân Lạng Sơn.



Hình 1. Vịt quay

- Giá trị dinh dưỡng của thịt vịt:

Trong 100g thịt vịt sẽ có khoảng 25g protein. Hàm lượng protein này cao hơn cả các loại thịt như thịt bò, lợn, dê, cá, trứng... Ngoài ra thịt vịt còn chứa hàm lượng các chất dinh dưỡng như canxi, photpho, sắt, vitamin (B1, B2, A, D, E), acide nicotic....



1. Kể tên những nguyên liệu chính dùng để chế biến món vịt quay.
2. Nêu cảm nhận của em về món vịt quay.
3. Nêu giá trị dinh dưỡng của thịt vịt.

2. Món lợn quay

Món lợn quay là đặc sản không thể thiếu trong các mâm cỗ, ngày lễ của người Lạng Sơn. Thịt lợn quay được chế biến cầu kì, hương vị thơm ngon, giá trị dinh dưỡng cao, trở thành thương hiệu trong ẩm thực Lạng Sơn.



Hình 2. Món lợn quay

- Chuẩn bị nguyên liệu và

sơ chế: Chọn con lợn khoảng 40 kg, không quá béo hoặc quá gầy để được thịt ngon nhất. Gia vị gồm: lá mác mật tươi, bột canh, tiêu, giấm, mật ong. Mổ lợn, làm sạch, xiên đòn quay, để ráo nước, khi cạo lông chú ý không làm rách da lợn, vì như vậy khi quay sẽ làm nứt, vừa không đẹp và mất đi vị ngon của lợn.

Trước khi quay, con lợn được tắm ướp gia vị gồm: muối, bột ngọt hoặc bột canh, tiêu, nhồi lá mác mật tươi vào bụng lợn và khâu kín bụng lại.

- Cách chế biến: Quay lợn đều trên bếp than hoa, trong khi quay, người quay dùng mật ong hoà với giấm bôi khắp da con lợn để có màu vàng đậm. Quay liên tục khoảng 3 - 4 giờ để lợn chín đều, màu vàng đẹp.

- Yêu cầu cần đạt: Lợn quay xong thịt phải chín đều, da vàng đều, giòn, không bị nứt. Khi ăn phần bì lợn giòn và ngậy, có vị ngọt của thịt lợn quện với hương vị đậm của các loại gia vị, hương thơm đặc trưng của lá mác mật.

Em có biết?

Lợn quay là món ăn rất phổ biến và có mặt trong các dịp lễ cưới, lễ hội, các bữa cơm sang trọng của đồng bào các dân tộc Lạng Sơn, có thể nói lợn quay là một trong những biểu tượng làm nên nét đặc trưng của ẩm thực Lạng Sơn.

Trong các hoạt động tuyên truyền, quảng bá ẩm thực Lạng Sơn, lợn quay là món ăn hàng đầu được sử dụng để giới thiệu với du khách, hằng năm vào các dịp lễ hội, các sự kiện văn hóa du lịch thường tổ chức các hoạt động thi làm món lợn quay diễn ra sôi nổi, với sự tham gia trình diễn của các nghệ nhân, đại diện cho các xã, các huyện trong tỉnh. Du khách bốn phương được trực tiếp trải nghiệm và thưởng thức món lợn quay được chế biến cầu kỳ, màu sắc đẹp, mùi thơm, béo ngậy với sức hấp dẫn không thể cưỡng với bất kỳ ai đến Lạng Sơn.



1. Kể tên những nguyên liệu chính dùng để chế biến món lợn quay.
2. Món lợn quay thường được người dân Lạng Sơn sử dụng vào những dịp nào trong đời sống hằng ngày?
3. Em hãy giới thiệu về món lợn quay cho cả lớp nghe.

3. Món khau nhục

Khau nhục (tên gọi khác là khâu nhục) là món ăn được chế biến từ thịt lợn với nhiều loại gia vị, quá trình chế biến rất cầu kì. Món ăn này chịu ảnh hưởng từ phong cách ẩm thực của Trung Hoa, nhưng cũng mang hương vị riêng, rất đặc trưng của ẩm thực xứ Lạng do việc sử dụng gia vị và cách chế biến riêng của người Lạng Sơn. Món khau nhục thường được dùng phổ biến trên các mâm cỗ trong các dịp lễ, tết, là món ăn rất đặc trưng tạo nên thương hiệu của ẩm thực xứ Lạng.



Hình 3. Món khau nhục

- **Chuẩn bị nguyên liệu và sơ chế:** Chọn thịt ba chỉ của con lợn khoảng 70 - 80 kg, không bị béo quá, phải là thịt ba chỉ ngon, chắc thịt, ước lượng mỗi bát khau nhục dùng khoảng 0,5 - 0,6 kg thịt lợn.

- **Gia vị gồm:** Muối, bột ngọt, giấm, gừng, hành, tỏi, húng liu, xì dầu, tương tàu choong, tàu soi, tiêu, khoai lang hoặc khoai môn.

Thịt lợn được rửa sạch, chần qua nước sôi cho chín tới, làm sạch lông, để ráo nước, dùng que nhọn chọc đều khắp phần da lợn, sau đó cho miếng thịt vào ngâm trong hỗn hợp nước dấm gừng. Khoai lang hoặc khoai môn được rửa sạch, gọt vỏ, thái vừa miếng, cho vào mỡ chao giòn cạnh. Tàu soi muối ngâm, rửa kĩ cho đỡ mặn, thái nhỏ. Trộn các loại gia vị thành hỗn hợp.

- **Cách chế biến:** Thịt lợn sau khi chao vàng, giòn cạnh, vớt ra thái miếng vừa ăn (thường là tám miếng nhỏ). Để hỗn hợp gia vị trong bát tô, xếp một lớp khoai, xếp thịt ba chỉ trên cùng, úp đĩa lên trên bát thịt và xếp vào nồi đun cách thủy khoảng 3 - 4 giờ cho thịt chín nhừ.

- **Yêu cầu sau chế biến và trình bày:** Món khau nhục ngon phải chín nhừ, không nát, màu vàng đậm, béo ngậy, có mùi thơm đậm đà đặc trưng của gia vị. Món khau nhục ăn ngon hơn khi còn nóng.

- **Giá trị dinh dưỡng của thịt lợn:**

Trong 100 gam thịt lợn chứa thành phần dinh dưỡng như sau:

+ Thịt lợn nạc, nửa mỡ chứa: 16.5g Protein, 21.5g mỡ, 9mg Canxi, 178mg Phosphor, 1.5mg sắt, 1.91mg Kẽm, 285mg Kali, 55mg Natri, 10µg Vitamin A.

+ Thịt lợn nạc chứa: 19g Protein, 7g mỡ, 7mg Canxi, 190mg Phosphor, 1.5mg Sắt, 2.5mg Kẽm, 341mg Kali, 76mg Natri, 2µg Vitamin A.

+ Thịt lợn mỡ chứa: 14.5g Protein, 37.3g mỡ, 8mg Canxi, 156mg Phosphor, 0.4mg Sắt, 1.59mg Kẽm, 318 mg Kali, 42 mg Natri, 2µg Vitamin A.



1. Nêu những nguyên liệu và gia vị chính dùng để chế biến món khai nhục.

2. Theo em, yếu tố nào tạo nên sự đặc biệt của món khai nhục?

Em có biết?

Ngoài những món ăn tiêu biểu ở trên, người dân Lạng Sơn còn có nhiều món ăn khác như:

- Thịt xá xíu: Chọn thịt mông sẵn, rửa sạch, cắt từng miếng to bằng bàn tay, ướp muối, xì dầu, húng lìu, dấm... Khi thịt ngấm gia vị cho vào chảo mỡ đã nóng già, rán đến khi thịt chín, có màu vàng cháy cạnh là được. Thịt xá xíu thái miếng ăn với cơm hoặc cho vào món phở rất thơm ngon.

- Phở chua: Phở chua được làm từ bánh phở tươi, thái mỏng trộn với các loại gia vị, giá đỗ xanh, thịt xá xíu, lạc rang, khoai thái sợi chao giòn, nước lử. Phở có vị chua, ngọt, hơi cay, thơm mùi rất thú vị.

- Món thịt nướng: Thịt lợn nạc hoặc nửa nạc, nửa mỡ rửa sạch, thái miếng vừa, được tẩm ướp gia vị cho ngấm đều, dùng xiên để xiên thịt và nướng trên bếp than đến khi chín. Một số gia đình còn cho thịt vào ống tre để nướng tạo hương vị rất thơm ngon đặc trưng.

- Món từ thịt gà: Thịt gà cũng được dùng phổ biến trong các dịp lễ, tết và trong đời sống hằng ngày của người dân Lạng Sơn. Gà thường được chế biến như luộc, xào, nấu canh gừng nghệ; gà quay mật ong, gà tần thuốc bắc... Thịt gà là món ăn rất ngon và giàu chất dinh dưỡng.

- Món vịt luộc: Ngoài vịt quay, đồng bào các dân tộc Lạng Sơn còn luộc vịt. Sau khi sơ chế, vịt được ướp gia vị gồm muối, bột ngọt, lá mắc mật... và cho vào luộc, một số gia đình còn cho vịt vào chảo rán qua rồi đổ nước vào luộc. Vịt luộc là món ăn ngon, mát, bổ dưỡng, thường được dùng vào mùa hè.

- Món cá: Cá cũng là món ăn phổ biến của người Lạng Sơn. Cá thường được chế biến theo nhiều cách tùy vào từng loài và kích thước của cá như: Cá nướng, cá rán, cá kho, cá nấu canh chua...

Ngoài những món ăn trên, còn có những món ăn chế biến từ thịt, trứng,... Các món chế biến từ gạo, thực phẩm đặc trưng nổi tiếng của Lạng Sơn như: Bánh cuốn trứng thịt; bánh tẻ; bánh nhúng (bếp cải cuộn nhân bột và thịt); bánh ngải cứu; bánh chưng; bánh dày; bánh trôi (coóng phù, poóng phù); bánh gai; bánh chuối; bánh khảo, khẩu sli (bánh bỏng gạo); bánh áp chao (bột gạo nếp và nhân thịt vịt); các loại xôi; thạch đen...



Hình 4. Món bánh ngải



Hình 5. Xôi ngũ sắc



Hình 6. Bánh cuốn

II. MỘT SỐ SẢN VẬT NỔI TIẾNG CỦA LẠNG SƠN

1. Rau: Các loại rau ở Lạng Sơn mọc tự nhiên và được trồng trên địa bàn toàn tỉnh, rau thường trồng theo mùa. Mùa đông có các loại rau cải ngồng, cải bắp, cải thảo, rau diếp, xu hào,... mùa xuân, hè có rau bò khai, rau ngót rừng... nhiều món rau thành đặc sản nổi tiếng của Lạng Sơn như rau cải ngồng, cải làn, rau bò khai, v.v.



Hình 7. Rau bò khai

2. Cây hồi: Cây hồi ở Lạng Sơn được trồng chủ yếu ở các huyện Văn Quan, Bình Gia, Chi Lăng, Cao Lộc. Cây hồi có thân mọc thẳng, tròn, vỏ ngoài nâu xám. Lá hình nêm, màu lục, nhẵn, mặt dưới xanh nhạt, giòn, quả thường có 8 cánh, có quả có 7 - 10 cánh, hạt dẹt, quả có hình sao vì vậy nhiều người gọi quả hồi là hoa hồi, trong quả và lá cây hồi chứa nhiều tinh dầu.

Người ta tinh chế quả hồi để lấy tinh dầu hồi có màu vàng nhạt, rất thơm. Dầu hồi được sử dụng làm gia vị chế biến thực phẩm và làm thuốc. Tinh dầu hồi được sử dụng nhiều trong công nghệ chế biến rượu khai vị, rượu mùi, nước ngọt và bánh kẹo. Dầu hồi có giá trị kinh tế cao và được xuất khẩu chính qua các thị trường Mỹ, các nước Châu Âu, Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, một số nước Đông Nam Á.



Hình 8. Quả hồi

3. Cây quế: Cây quế là cây thân gỗ lớn, được trồng nhiều ở các huyện Tràng Định, Văn Lãng, Văn Quan, Bình Gia,...

Cây quế dùng để chiết xuất lấy tinh dầu. Cũng như tinh dầu hồi, tinh dầu quế được sử dụng phổ biến làm gia vị, sản xuất rượu, mỹ phẩm và dược liệu. Các sản phẩm tinh dầu hồi, quế Lạng Sơn đã được đăng ký bảo hộ nhãn hiệu.



Hình 9. Rừng quế

4. Quả na: Cây na là cây gỗ nhỏ, được trồng nhiều ở các huyện Chi Lăng, Hữu Lũng. Quả na có hình tròn, nhiều múi xếp, mỗi múi có chứa hạt có màu đen, nhiều người hay gọi là mắt na. Na Chi Lăng nổi tiếng thơm ngon, ngọt, giàu dinh dưỡng được đăng ký nhãn hiệu tập thể và trở thành thương hiệu đặc sản Lạng Sơn.



Hình 10. Na ở Chi Lăng

5. Quả quýt: Cây quýt được trồng nhiều ở các huyện Bắc Sơn, Bình Gia, Chi Lăng, Hữu Lũng, Tràng Định,... quả quýt là loại quả có múi, vỏ có chứa tinh dầu, khi chín vỏ màu vàng, cùi vàng, nhiều nước. Quýt Lạng Sơn có vị ngọt dịu, thơm đặc trưng. Quýt vàng Bắc Sơn đã được đăng ký nhãn hiệu tập thể và trở thành thương hiệu đặc sản Lạng Sơn.



Hình 11. Quả quýt Bắc Sơn

Em có biết?

Ngoài những sản vật tiêu biểu như cây hồi, quế, na, quýt và các loại rau, Lạng Sơn còn nổi tiếng với nhiều sản vật như:

- Các loại quả: Hồng không hạt, hồng Vành Khuyên, mận, đào Mẫu Sơn, trám đen, trám trắng, hạt dẻ, bí thơm, cam, bưởi, mít, dứa...
- Các loại củ: Khoai môn, khoai sọ, khoai lang, củ mài...
- Gỗ và cây dược liệu: Có nhiều loại gỗ quý như: Đinh, lim, sến, táu, nghiến. Cây dược liệu quý, thực phẩm có giá trị như: Sa nhân, sâm bầy lá một hoa, kim tuyến, ba kích, cát sâm, thổ phục linh, lá khô, ngũ gia bì, củ gió, đỗ trọng, sói rừng, chè hoa vàng, mật ong, các loại măng, v.v...

Đọc thêm:

1. Đồ uống của người Lạng Sơn

Uống nước: Hàng ngày, các dân tộc ở Lạng Sơn uống nước đun sôi hoặc uống nước đun với lá cây, vỏ cây rừng có tác dụng giải nhiệt, làm mát cơ thể và bồi bổ sức khỏe, một số địa phương có thói quen uống nước lã từ các khe suối, mạch nước ngầm hoặc giếng nước sạch, trà chủ yếu để tiếp khách hoặc dùng trong các dịp lễ tết. Người Nùng, Dao có tục nấu cháo loãng (Dân tộc Nùng gọi là “chúc”) để ở góc bếp, nhất là vào mùa hè, người lớn đi làm về hoặc trẻ em, người già khát nước, đói bụng thì múc ăn, coi như để giải khát và giữ sức khỏe. Ngoài uống nước người Lạng Sơn cũng thường uống một chút rượu vào các dịp lễ, tết.

Ngoài đồ uống, người Lạng Sơn còn có tục ăn trầu (nhai trầu): Cũng như người Việt, đồng bào các dân tộc Lạng Sơn có tục ăn trầu, đặc biệt là phụ nữ trung cao tuổi. Ăn trầu gồm có lá trầu không, vôi tôi, vỏ cây và thuốc Lào, ăn trầu có tác dụng khử trùng làm sạch miệng, chắc răng, nhuộm thành răng đen. Trầu và tục ăn trầu còn là nghi lễ trong các dịp ăn hỏi, cưới xin, làm lễ trong đời sống các dân tộc Lạng Sơn.

2. Cách ăn của người Lạng Sơn

Người Lạng Sơn ngồi ăn uống thành mâm, dùng bát đĩa để đựng thức ăn, dùng đũa để gắp, dùng thìa, muôi để múc. Cơm thường đựng trong nồi chung, thức ăn đựng trong bát, đĩa, được bày ra mâm, có nước chấm ở giữa, người lớn hay dùng đũa, trẻ em thường dùng thìa. Khi ăn, các thành viên trong gia đình ngồi xung quanh mâm, trong đó mẹ hoặc chị gái lớn ngồi cạnh nồi cơm để xới cơm cho cả nhà. Người ăn thường ngồi ghế hoặc ngồi khoanh chân, ý nhị, khi ăn hay gắp thức ăn cho nhau, đặc biệt dịp có khách. Thường ngày, người dân Lạng Sơn ăn hai bữa chính, một bữa phụ. Tuy nhiên, tùy theo dân tộc và hoàn cảnh cụ thể của mỗi gia đình và mỗi địa phương mà có các bữa phụ khác nhau. Người Nùng trước khi đi làm chiều có bữa ăn phụ gọi là “kin lèng”. Khi có công việc phải thức khuya thì có bữa khuya gọi là “kin sliu đề”. Người Dao cư trú ở vùng núi cao, khí hậu lạnh nên bữa sáng thường ăn chính, bữa trưa chỉ ăn phụ và thường là ăn cháo, bữa tối là bữa chính. Các dân tộc khác thì ăn sáng là bữa phụ, buổi trưa và tối là bữa ăn chính. Trong các bữa ăn phổ biến là rau, cá, thịt, chế biến bằng cách luộc, xào, nấu, kho, nướng, muối dưa.v.v...



- 1. Kể tên một số loại rau, quả gia đình em dùng hằng ngày.*
- 2. Nêu cảm nhận của bản thân em về món ăn đặc trưng trong dịp Tết của gia đình em.*

LUYỆN TẬP

1. Kể tên một số món ăn đặc sản của Lạng Sơn. Các món ăn này thường được dùng trong dịp nào?
2. Em yêu thích nhất món ăn nào? Tại sao em lại yêu thích món ăn đó?
3. Em hãy nêu khái quát về những đặc trưng của ẩm thực Lạng Sơn.

VẬN DỤNG

Thảo luận theo nhóm về nguyên liệu, gia vị, cách chế biến một món ăn và đóng vai hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu về một trong những món ăn nổi tiếng của Lạng Sơn mà em đã học.

Thảo luận theo nhóm và đưa ra những giải pháp để quảng bá ẩm thực và sản vật của Lạng Sơn.

MỘT SỐ LÀN ĐIỆU THEN TIÊU BIỂU CỦA TỈNH LẠNG SƠN

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau chủ đề này, học sinh sẽ:

- Nhận biết được một số làn điệu then tiêu biểu của Lạng Sơn qua nét giai điệu đặc trưng.
- Hát đúng giai điệu, lời ca làn điệu then tiêu biểu của địa phương.
- Được tham gia các hoạt động trải nghiệm về hát then và có ý thức gìn giữ các làn điệu dân ca của dân tộc.

KHỞ ĐỘNG

Quan sát hình ảnh dưới đây và chia sẻ với các bạn những hiểu biết của em về thể loại dân ca trong ảnh:



KHÁM PHÁ

Hát then - đàn tính là món ăn tinh thần lâu đời của nhiều thế hệ người Tày, Nùng xứ Lạng. Hiện nay, hát then thể hiện ở hai dạng chính: then cổ (then tâm linh phục vụ nhu cầu tín ngưỡng) và then mới (then văn nghệ có cải biên², sáng tác dựa trên làn điệu then cổ). Then cổ Lạng Sơn bao gồm các làn điệu chính như: Pây tàng, Tò mạy, Tàng lửa, Khao sluông, Xuôi sluông, Vọng Ến... Dựa trên chất liệu then cổ Lạng Sơn, các nhạc sĩ, nghệ nhân đã đặt lời mới cho then (hay còn gọi là then mới) để phù hợp với xã hội hiện đại và thế hệ trẻ.

² Sửa đổi, biên soạn lại cho phù hợp với yêu cầu mới

Nhạc cụ không thể không kể đến trong hát then chính là cây tính then/ tính tẩu (thường gọi là đàn tính, đàn then) và chùm xóc nhạc. Các nhạc cụ này đóng vai trò vừa là dẫn dắt, giữ nhịp, vừa là đệm và góp phần làm hoàn chỉnh những cấu trúc làn điệu âm nhạc then.



Cây tính then (tính tẩu, đàn then)



Chùm xóc nhạc

Một số làn điệu then tiêu biểu của dân tộc Tày, Nùng Lạng Sơn:

1. Điệu then Tò mạy

Tò mạy là làn điệu then tiêu biểu của người Tày vùng Tràng Định, Lạng Sơn. Nội dung của điệu then là miêu tả cuộc hành trình của quân lính nhà then đi hái cây để phục vụ nhiều mục đích khác nhau trong lễ then. Đặc điểm âm nhạc của làn điệu này là lên dây đàn theo quãng 5, giai điệu lên xuống trầm bổng, dứt khoát, mô tả không gian rừng núi.

Có nhiều bài hát được đặt lời và phát triển trên điệu then *Tò mạy* như: *Mùa hoa lê* (Lời: Nguyễn Cúc); *Điệu then Tò mạy* (Phạm Tịnh - Hoàng Thanh Loan, Thủy Tiên). Nét giai điệu của điệu then *Tò mạy* như sau:

MÙA HOA LÊ (Trích)



ĐIỆU THEN TÒ MÀY (Trích)



(Link tham khảo: <https://www.youtube.com/watch?v=Wz0qVPGoOig>
và <https://www.youtube.com/watch?v=RG9WxraxXds>)

2. Điệu then *Pây tàng*

Pây tàng là làn điệu then tiêu biểu, được sử dụng nhiều trong các cuộc then, nghi lễ then. Ý nghĩa của điệu then miêu tả cuộc hành trình của quân lính nhà then từ trần gian lên thiên đình phải vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, nhiều cửa ải; lên rừng, xuống sông, xuống biển; phải chiến đấu với các loài thú dữ...

Điệu *Pây tàng* trong Then quan niệm có nhiều đường đi khác nhau: tàng bốc (đường bộ, đường cạn), tàng nằm/tàng lửa (đường nước), tàng hạn (đường hạn), tàng bản (đường mây), tàng tẩu (đường ngục)... trong đó chủ yếu chia làm hai làn điệu chính là tàng bốc và tàng nằm/tàng lửa. Đây cũng là hai từ chỉ cách lên dây của đàn tính: Tàng bốc là “cao sơn”, giai điệu sôi nổi, giục giã, thường dùng quãng 4. Tàng lửa là “lưu thủy”, nhịp độ chậm, khoan thai, tính chất trữ tình, lắng mạn, thường dùng quãng 5.

Các bài hát được đặt lời và phát triển trên điệu then *Pây tàng* như: *Lạng Sơn quê noọng* (Đặt lời: Hoàng Trung Thu); *Mùa xuân trên dòng sông Kỳ Cùng* (Phó Đức Phương). Dưới đây là nét giai điệu của điệu then *Pây tàng*:

LẠNG SƠN QUÊ NOỌNG

(Trích)

Pây tàu khừn piên chái (a) Nam Quan là mà
thăng Lạng Sơn quê noọng lai tiếng nộc vui
roọng (a) chang đông cần cần sảy hắt công tò
cáp quê noọng lai mạy mác (a) hom van
mác tào vạ mác cam cộm cáng ới...

(Link tham khảo: <https://www.youtube.com/watch?v=YBhbM1f9afw>
và <https://www.youtube.com/watch?v=p3J3B7fKWxE>)

LUYỆN TẬP

1. Nghe và tập hát theo nét giai điệu của một trong hai làn điệu then đã giới thiệu trong bài.

2. Kết hợp sử dụng chùm xóc nhạc để đệm cho điệu then.

VẬN DỤNG

1. Tìm hiểu nghĩa của các từ “tò mạy”, “pây tàng”, “noọng” trong tiếng Tày, Nùng và ý nghĩa phần lời ca của các trích đoạn trong bài.

2. Suy tầm và tập hát các làn điệu then Lạng Sơn ngoài hai làn điệu trên để chia sẻ với bạn bè.

3. Trải nghiệm: Tìm hiểu về nghệ thuật hát then - đàn tính ở tỉnh Lạng Sơn; Nghe và xem các nghệ sĩ, nghệ nhân trình diễn các tiết mục, làn điệu then.

NGƯỜI NGUYÊN THỦY TRÊN VÙNG ĐẤT LẠNG SƠN

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Tóm tắt được những thành tựu nghiên cứu về khảo cổ học trên vùng đất Lạng Sơn.
- Trình bày được đời sống, quá trình tồn tại và phát triển của người nguyên thủy trên vùng đất Lạng Sơn.
- Nêu được một số biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị các di tích khảo cổ học ở Lạng Sơn; xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc tham gia các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị các di tích khảo cổ học.
- Biết vận dụng những hiểu biết về thời kì nguyên thủy để giới thiệu về quê hương, con người xứ Lạng.

KHỞI ĐỘNG

Quan sát hình 1 và trả lời câu hỏi:

- Theo em, cư dân Bắc Sơn sử dụng các công cụ đá này để làm gì?



Hình 1. Một số công cụ đá của Văn hoá Bắc Sơn

KHÁM PHÁ

1. Dấu tích của người nguyên thủy trên vùng đất Lạng Sơn

Lạng Sơn là vùng đất có lịch sử hình thành và phát triển từ rất sớm. Với địa hình núi đá vôi, thung lũng và nhiều sông, suối, Lạng Sơn sớm trở thành địa bàn cư trú lí tưởng của người nguyên thủy trên đất nước ta. Năm 1964, các nhà khảo cổ học Việt Nam đã phát hiện dấu tích của người vượn đứng thẳng tại hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (xã Tân Văn, huyện Bình Gia) có niên đại khoảng 475 000 năm cách ngày nay, tương đương với thời đại đá cũ. Đó là những hóa thạch người sớm nhất hiện biết ở nước ta. Lạng Sơn được ghi dấu trên bản đồ khảo cổ học là nơi xuất hiện con người đầu tiên ở Việt Nam. Năm 1966, tại hang Kéo Lèng (xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia), các nhà khảo cổ tiếp tục phát hiện dấu tích của người hiện đại cách ngày nay khoảng 3 vạn năm qua một mảnh xương trán, hai mảnh răng hàm người.



Hình 2. Hoá thạch răng của Người tối cổ tìm thấy ở di chỉ Thẩm Khuyên năm 1965



Hình 3. Di chỉ Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Xã Tân Văn, huyện Bình Gia)

Những năm đầu thế kỷ XX, các nhà địa chất người Pháp công tác ở Sở Địa chất Đông Dương đã tìm thấy trong lòng khối đá vôi thuộc các huyện Bình Gia, Bắc Sơn, Văn Quan, Hữu Lũng hàng chục di tích thuộc sơ kỳ đá mới. Di vật ở đây rất phong phú bao gồm rìu mài lưỡi, công cụ ghè đẽo, bàn mài (sau này gọi là “dấu Bắc Sơn”), đồ gốm, di cốt người, động vật,... Sau đó, Viện khảo cổ học (Viện Khoa học xã hội Việt Nam) đã phát hiện thêm nhiều di tích khác ở khu vực này. Một nền văn hoá khảo cổ sơ kỳ đá mới, có niên đại 11 000 - 6 000 năm cách ngày nay đã được xác lập. Đó chính là Văn hoá Bắc Sơn.

Em có biết

Hang Thẩm Khoách (còn gọi là hang phố Bình Gia) là Di tích Văn hoá Bắc Sơn đầu tiên phát hiện tại Lạng Sơn. Từ năm 1906 đến 1932, người Pháp đã phát hiện 43 di tích Văn hoá Bắc Sơn trong lòng sơn khối đá vôi Bắc Sơn. Tính đến nay, số lượng di tích Văn hoá Bắc Sơn đã lên tới 74 di tích, tập trung chủ yếu ở Lạng Sơn và một số tỉnh như Thái Nguyên, Cao Bằng, Hà Giang, Tuyên Quang,... Văn hoá Mai Pha được coi là sự phát triển tiếp nối của Văn hoá Bắc Sơn với hơn 30 di tích, phân bố ở Bắc Sơn, Bình Gia, Chi Lăng, Hữu Lũng, Cao Lộc,...

Kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học cho thấy Văn hóa Bắc Sơn đã có nhiều đóng góp cho việc nảy sinh và định hình một số nền văn hóa đá mới ở miền núi và ven biển nước ta, trong đó có Văn hóa Mai Pha. Năm 1996, Bảo tàng tỉnh phối hợp với Viện khảo cổ học tiến hành khai quật di chỉ Mai Pha (thành phố Lạng Sơn) phát hiện một số lượng lớn rìu, bôn tứ giác, bàn đập, bàn mài, vòng đeo tay, khuyên tai, đồ gốm, di cốt người và động vật,... Mở rộng điều tra, các nhà khảo cổ học cổ đã phát hiện thêm nhiều di tích mang những nét đặc trưng giống hiện vật ở di chỉ Mai Pha. Từ đó đã xác lập thêm một nền văn hoá hậu kỳ đá mới - sơ kỳ kim khí với tên gọi Văn hoá Mai Pha, niên đại khoảng 4 000 - 3 000 năm cách ngày nay.

Dấu tích thời đại đồng thau (2 500 - 2 000 năm cách ngày nay) ở Lạng Sơn ít hơn thời đại đá, thể hiện qua một số di vật đồng như rìu xoè cân, rìu lưỡi xéo gót tròn phát hiện ở Bắc Sơn, Chi Lăng, Cao Lộc,....

Những phát hiện khảo cổ trên đây có ý nghĩa minh chứng Lạng Sơn là một vùng đất cổ, có quá trình phát triển lâu dài, liên tục qua các thời đại. Các di tích khảo cổ hiện diện trên vùng đất Lạng Sơn phản ánh rõ nét và sinh động đời sống của con người trên đất nước Việt Nam nói chung và xứ Lạng nói riêng.



1. Dựa vào nội dung mục 1, em hãy nêu những phát hiện về khảo cổ học trên vùng đất Lạng Sơn.
2. Quan sát hình 2 và hình 3, em hãy cho biết việc tìm thấy hóa thạch răng của Người tối cổ ở di chỉ Thẩm Khuyên có ý nghĩa như thế nào đối với lịch sử Lạng Sơn?

2. Đời sống của cư dân nguyên thủy ở Lạng Sơn

a) Đặc điểm cư trú

Cư dân nguyên thủy ở Lạng Sơn chủ yếu sống trong hang động tự nhiên gần sông, suối để thuận tiện cho cuộc sống hái lượm. Những hang động được lựa chọn để ở thường rộng, thoáng, nhiều ánh sáng. Cửa hang thường không cao lắm so với bề mặt của thung lũng trước mặt, đường lên xuống dễ dàng. Đa phần cửa hang quay về hướng Đông Nam để tránh gió lạnh về mùa đông. Người nguyên thủy ở Lạng Sơn thường cư trú theo đơn vị nhỏ. Hang động không chỉ là nơi để ở mà còn là công xưởng chế tác công cụ lao động, chôn cất người chết.



Hình 4. Toàn cảnh hang Pác Dây
(Xã Trùng Khánh, huyện Văn Lãng)



- Quan sát hình 4 và nội dung mục 2a, em hãy cho biết tại sao người nguyên thủy ở Lạng Sơn chọn sống trong các hang động?

b) Đời sống kinh tế

Từ những công cụ ghè đẽo thô sơ, dần dần người nguyên thủy ở Lạng Sơn đã biết chế tạo nên nhiều loại công cụ bằng đá khác nhau để sử dụng trong sinh hoạt và lao động sản xuất như rìu mài lưỡi, rìu có vai, cửa, bàn đập, bàn mài, bàn nghiền, chày nghiền, dọi xe chỉ,...

Tư liệu 1. “Trong các di chỉ văn hóa Bắc Sơn, các nhà khảo cổ học đã phát hiện được những chiếc rìu mài ở lưỡi, bên cạnh những công cụ bằng đá cuội ghè đẽo một mặt kiểu văn hóa Hòa Bình. Công cụ đặc trưng của văn hóa Bắc Sơn là rìu mài lưỡi và dấu Bắc Sơn, ngoài ra còn có những công cụ ghè đẽo không định hình và công cụ mảnh tước có tu chỉnh”.

(Theo Trương Hữu Quýnh, *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001, tr. 19)



Hình 5. Rìu mài lưỡi (rìu Bắc Sơn)



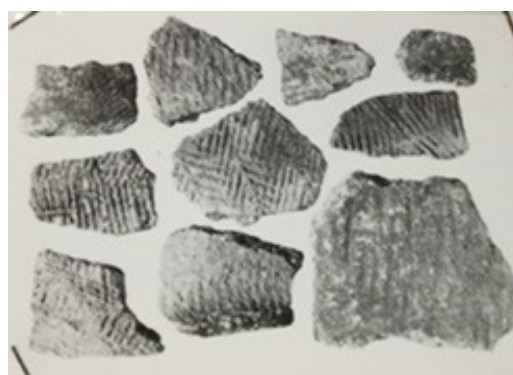
Hình 6. “Dấu Bắc Sơn”

Nhờ kĩ thuật mài nên rìu của Bắc Sơn trở nên sắc bén hơn, năng suất lao động cũng được nâng cao hơn trước.

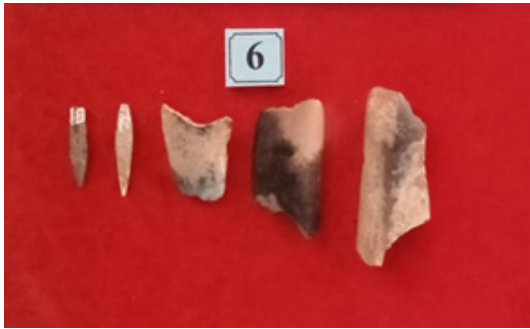
Đối với cư dân nguyên thủy ở Lạng Sơn thời kỳ đầu xuất hiện, săn bắn và hái lượm giữ vai trò chủ yếu. Họ sử dụng rìu mài lưỡi để chế tác tre, gỗ, nứa thành cung tên, dùng dây rừng hay dây da chắc làm dây cung. Nhờ có cung tên việc săn bắn của người nguyên thủy có hiệu quả hơn. Đó cũng là tiền đề của kĩ thuật làm đồ gốm và đồ xương.

Em có biết

Gốm Bắc Sơn thô, dày, trong xương gốm có nhiều hạt cát thô, nặn bằng tay, độ nung thấp, là sản phẩm của thời kì con người lần đầu tiên biết đến kĩ thuật làm gốm. Những mảnh gốm này có niên đại vào loại sớm nhất thế giới.



Hình 7. Gốm Văn hóa Bắc Sơn



Hình 8. Dùi - đục xương Văn hóa Mai Pha

Em có biết

Năm 1996, quá trình khai quật di chỉ Mai Pha, các nhà khảo cổ đã phát hiện được 123 hiện vật bằng đá, trong đó có 70 rìu, bôn, đục, bàn mài và 12 vật dùng để trang sức như: vòng tay, khuyên tai và 23 hiện vật bằng xương, trong đó có 8 đục vũm, dùi xương, cùng nhiều đồ trang sức...

Trong các hang động ở Bắc Sơn, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy xương của nhiều loại thú như hươu, nai, bò rừng, gấu, nhím, lợn rừng,... Một số xương bị đập vỡ, một số có dấu lửa,....

Hái lượm tiếp tục phát triển. Trong các hang động, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy được rất nhiều vỏ các loài ốc suối, ốc núi,... Đó là tàn tích những bữa ăn của người nguyên thủy. Họ đã tận dụng các vỏ trai tự nhiên để làm dụng cụ cắt, nạo, đồ trang sức.

Tại đây các nhà khảo cổ học còn tìm thấy những bàn nghiền, chày nghiền, hòn ghè,... Địa thế vùng núi không thuận lợi để họ sớm tiếp cận với nghề trồng lúa, song cư dân ở đây có thể đã sử dụng các loại cây có hạt trong tự nhiên để chế biến thức ăn.



Hình 9. Bàn nghiền tìm thấy ở di chỉ Phai Vệ
(Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn)

Bên cạnh đó, họ vẫn tiếp tục phát triển việc trồng rau củ như cư dân Hòa Bình trước đây. Dần dần, cư dân Bắc Sơn đã biết trồng cây lương thực, cuộc sống bớt lệ thuộc vào tự nhiên. Ở giai đoạn hậu kỳ đá mới, việc chế tác công cụ lao động sản xuất mang tính chuyên môn hoá khá cao. Qua các công cụ có hình dáng quy chuẩn, ổn định, có thể thấy kỹ thuật ghè đẽo, cưa, mài, khoan, đánh bóng cũng đã đạt trình độ cao. Chăn nuôi và trồng trọt ngày càng phát triển. Những chiếc dọi xe chỉ bằng gốm, chày lưới bằng đất nung chứng tỏ con người ở thời kỳ này đã biết đánh cá, xe sợi dệt vải.

Họ cũng đã biết chế tác da thú. Da thú sau khi được làm sạch, đem đi phơi khô rồi dùng dùi bằng xương hay tre đục lỗ, xỏ dây rừng để nối thành những tấm da che thân.



1. Dựa vào tư liệu 1 và quan sát hình 5,6,8,9 em hãy nhận xét về công cụ lao động của cư dân nguyên thủy ở Lạng Sơn (số lượng, hình dáng, công dụng, kĩ thuật chế tác,...)

2. Em hãy nêu hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân nguyên thủy ở Lạng Sơn. Nhận xét.

c) Tổ chức xã hội và đời sống tinh thần

Cuộc sống của người nguyên thủy tuy còn hoang dã và thấp kém nhưng đã có những bước tiến đáng kể về xã hội. Sự phát triển của kĩ thuật chế tác đá và làm đồ gốm đã làm xuất hiện sự phân công sơ bộ giữa nam và nữ. Săn bắt, chế tác các loại công cụ đá, sừng, cung tên,... do nam giới phụ trách. Hải lượm, trồng trọt rau củ, đan lát, nghiền hạt, làm đồ gốm là công việc chính của người phụ nữ. Đó là sự phân công tự nhiên, phù hợp với giới tính.

Chế độ mẫu hệ phổ biến. Mỗi nhóm khoảng vài ba chục người sống trong cùng một hang động hoặc vài hang động gần kề nhau, theo quan hệ dòng máu của mình để hình thành các thị tộc, do một phụ nữ lớn tuổi đứng đầu.

Người nguyên thủy ở Lạng Sơn đã biết dùng đồ trang sức. Các nhà khảo cổ đã phát hiện nhiều vỏ ốc biển được mài thủng lưng rồi xuyên vào một sợi dây để đeo. Họ còn làm đồ trang sức làm bằng đá, vỏ trai, đốt sống cá,...



Hình 10. Vỏ ốc biển mài thủng lưng



Hình 11. Trang sức của người nguyên thủy

Người nguyên thủy ở Lạng Sơn đã biết cảm thụ về nghệ thuật và có một cảm nhận nhất định về nghệ thuật tạo hình và nghệ thuật trang trí. Về nghệ thuật tạo hình, họ đã làm thay đổi hình dáng vật thể từ những hòn đá đơn thuần qua chế tác đã tạo thành những chiếc rìu mài lưỡi, rìu tứ giác, rìu có vai,... rất đẹp.

Về nghệ thuật trang trí, các nhà khoa học đã phát hiện được nhiều di vật gốm có hoa văn trang trí đẹp và tinh tế, bao gồm các mô típ: hình hoa thị kết hợp xoắn ốc, trang trí văn thừng, các dạng hình học,...



Hình 12. Đồ gốm trang trí vân thừng ở di chỉ Mai Pha



Hình 13. Đồ gốm trang trí hình hoa thị kết hợp trổ lỗ ở di chỉ Mai Pha

Hoa văn hình hoa thị trên chân đế đồ đựng có sự lặp đi lặp lại và kết hợp giữa hoa văn khắc vạch và trổ lỗ. Dị xe chỉ có hoa văn giống tia Mặt Trời trên mặt trống đồng Đông Sơn sau này, có mảnh gốm khắc vạch hoa văn hình thú chạy ngược chiều kim đồng hồ.

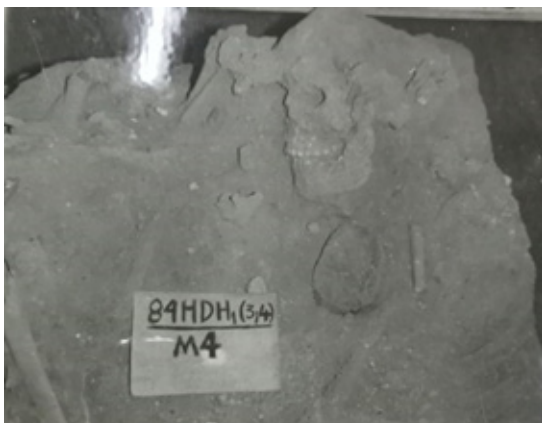
Tư liệu 2. “Quan niệm về thế giới bên kia của con người thời này ngày càng phức tạp hơn. Người chết được chôn theo nhiều cách: chôn theo tư thế ngồi xổm,..., nằm co, nằm ngửa duỗi thẳng, chôn theo công cụ lao động và đồ trang sức, người chết bị buộc chặt trước khi đem chôn”.

(Theo Trương Hữu Quýnh, *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001, tr. 23)

Với cư dân nguyên thủy ở Lạng Sơn, họ đã biết dùng thổ hoàng để trang trí cho đồ gốm hoặc bôi lên xương người chết. Người Bắc Sơn chôn người chết ngay tại nơi cư trú của mình và chôn theo công cụ lao động, đồ trang sức,... Như vậy người nguyên thủy đã có quan niệm về thế giới của người chết. Họ cho rằng chết là bước sang một thế giới khác, sự sống vẫn tiếp diễn nên con người vẫn cần phải có công cụ lao động, đồ trang sức như người sống.



Hình 14. Thổ hoàng



Hình 15. Di tích mộ táng ở hang Dơi
(Xã Vũ Lễ, huyện Bắc Sơn)

Em có biết

Tại di chỉ Hang Dơi lần đầu tiên phát hiện mộ táng của trẻ em được mai táng trong tư thế nằm co bó gối. Di chỉ này có niên đại khoảng 11 000 năm cách ngày nay. Xung quanh mộ có chôn theo một số mảnh tước bằng đá cuội và nanh nhím. Mộ được chôn ngay cạnh vết tích của bếp lửa.



1. Em hãy trình bày và nhận xét sự phân công lao động giữa nam và nữ của cư dân nguyên thủy ở Lạng Sơn.
2. Quan sát hình 10, 11 và nội dung mục 2.c, em hãy cho biết người nguyên thủy ở Lạng Sơn dùng những vật liệu gì để chế tạo thành đồ trang sức? Em hãy nhận xét về đồ trang sức của người nguyên thủy.
3. Quan sát hình 12 và 13, em hãy nhận xét về nghệ thuật trang trí gốm của cư dân thuộc nền Văn hóa Mai Pha.
4. Dựa vào tư liệu 2 và nội dung mục 2.c, em hãy lí giải: Vì sao người nguyên thủy chôn công cụ lao động theo người chết?

3. Lạng Sơn bảo tồn, phát huy các di tích khảo cổ học

Lạng Sơn là miền đất rất giàu tiềm năng về khảo cổ học. Đó không chỉ là những tư liệu quý phục vụ nghiên cứu khoa học nhằm làm sáng tỏ bức tranh Lạng Sơn thời kỳ tiền sử, sơ sử mà còn được coi là nguồn tài nguyên quý giá để phát triển du lịch.

Em có biết: Theo kết quả tổng kiểm kê di tích lịch sử văn hoá, đến nay toàn tỉnh Lạng Sơn có 9 điểm di tích được xếp hạng quốc gia, 7 điểm xếp hạng di tích cấp tỉnh. Các di tích còn lại đang tiếp tục được nghiên cứu để tiếp tục xếp hạng phù hợp với giá trị của từng di tích. Di tích khảo cổ không tái tạo nên được coi là di sản vô cùng quý giá của đất nước, cần được gìn giữ bảo vệ tương xứng với ý nghĩa, giá trị của di tích.

Nhận thức được giá trị và tầm quan trọng của các di tích đó, trong những năm qua, các cấp, các ngành chức năng trong tỉnh đã luôn quan tâm, chú trọng và triển khai nhiều giải pháp đồng bộ để quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị các di tích này một cách hữu hiệu theo quy định Luật Di sản văn hóa:

Ngành văn hóa thông tin và du lịch thường xuyên phối hợp với Viện Khảo cổ học điều tra, nghiên cứu, khảo sát để phát hiện, làm rõ giá trị của di tích khảo cổ học. Hiện vật phát hiện trong quá trình khảo sát, khai quật được bảo quản và thường xuyên trưng bày giới thiệu để giáo dục truyền thống, nâng cao lòng tự hào và ý thức trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân đối với việc gìn giữ, bảo vệ di sản văn hoá của quê hương, đất nước,...

Các di tích khảo cổ của tỉnh Lạng Sơn được đưa vào danh mục kiểm kê, xếp hạng các cấp và giao cho các huyện, thành phố quản lý. Trong đó nhiều di tích được cắm bia, biển, khoanh vùng bảo vệ, cấp chứng nhận sử dụng đất. Qua đó tích cực góp phần ngăn chặn tình trạng xâm lấn, phá hủy hoặc làm biến dạng, hư hỏng di tích.

Nhiều di tích trọng điểm, có giá trị đã được quan tâm đầu tư tôn tạo, đủ điều kiện để đón tiếp phục vụ khách tham quan đến nghiên cứu, học tập và khám phá. Năm 2015, di tích Thảm Khuyên, Thảm Hai được công nhận là điểm du lịch cấp tỉnh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách tham quan du lịch muốn tìm hiểu lịch sử, khám phá hang động cư trú của người nguyên thủy xưa. Năm 2020, Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn đã triển khai tôn tạo, tu bổ di tích Mai Pha, sửa chữa, thay thế đèn chiếu sáng, đèn nghệ thuật tại di tích Phai Vệ. Qua đó, tích cực góp phần vào sự phát triển du lịch của tỉnh nhà.



1. Hiện nay, tỉnh Lạng Sơn đã có những biện pháp gì để bảo tồn và phát huy giá trị các di tích khảo cổ học?
2. Theo em, những di tích khảo cổ học có ý nghĩa như thế nào đối với ngành du lịch của tỉnh Lạng Sơn? Em cần làm gì để góp phần giữ gìn và phát huy giá trị các di tích đó?

LUYỆN TẬP

1. Lập bảng thống kê đời sống vật chất của cư dân nguyên thủy ở Lạng Sơn theo gợi ý sau:

TT	Lĩnh vực	Đặc điểm
1	Công cụ lao động	
2	Hoạt động kinh tế	
3	Ở	
4	Mặc	

2. Trình bày khái quát tổ chức xã hội và đời sống tinh thần của người nguyên thủy ở Lạng Sơn. So với thời nguyên thủy, đời sống tinh thần của con người ngày nay có những điểm khác nào? (Về đồ trang sức, nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật trang trí, cách thức mai táng).

VẬN DỤNG

1. Thiết kế ấn phẩm quảng cáo về nền Văn hóa Bắc Sơn hoặc Văn hóa Mai Pha.

2. Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu với du khách về một di tích khảo cổ học ở Lạng Sơn.

LẠNG SƠN TRONG VIỆC THỰC THI CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN TỪ THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XIX

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được vai trò của vị trí địa lí và dân cư tác động đến thực hiện chính sách dân tộc ở Lạng Sơn.
- Trình bày được những nét chính trong quá trình thực thi chính sách dân tộc của các triều đại phong kiến trên mảnh đất Lạng Sơn từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX.
- Phân tích được ý nghĩa của chính sách trên đối với Lạng Sơn; sự kế thừa và phát triển chính sách đoàn kết dân tộc trong thời đại ngày nay.
- Biết cách sưu tầm và sử dụng được tư liệu lịch sử để tìm hiểu về chính sách dân tộc.
- Có ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc, có hành động cụ thể góp phần tham gia giữ gìn khối đoàn kết dân tộc nhằm xây dựng quê hương giàu đẹp.

KHỞI ĐỘNG

- Ngày nay, tỉnh Lạng Sơn có những dân tộc nào đang sinh sống?
- Tại sao các triều đại phong kiến luôn quan tâm đến vùng đất Lạng Sơn?
- Em có biết từ thời phong kiến, các triều đại đã có chính sách gì để gắn kết đồng bào với Trung ương?

KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lí, đặc điểm dân cư của Lạng Sơn

Đọc đoạn thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi:

Lạng Sơn từ xưa là vùng đất có vị trí quan trọng, là cửa ngõ tiếp giáp với Trung Quốc. Đây là địa đầu, là phen dậu trong chống các cuộc xâm lăng của các thế lực phong kiến phương Bắc và đưa đón nhiều phái đoàn sứ bộ qua lại. Vì thế vùng đất này được coi là tấm chắn vững chắc của triều đình trung ương.

Với đặc điểm là vùng miền núi, xa kinh đô, lại là nơi sinh sống của đồng bào các dân tộc thiểu số, thế lực của tù trưởng và thủ lĩnh rất lớn. Họ nắm quyền hành quản lý dân cư, có lúc phép vua còn thua lệ làng. Do vậy, các triều đại phong kiến luôn có những đối sách để quản lý được lực lượng tù trưởng, an dân và ổn định miền biên cương.



- Vì sao Lạng Sơn được coi là tấm chắn vững chắc của triều đình trung ương?
- Theo em, việc các tù trưởng dân tộc thiểu số nắm quyền hành lớn ở địa phương có thuận lợi và khó khăn gì đối với triều đình trung ương?

2. Lạng Sơn thực thi chính sách dân tộc của các triều địa phong kiến

a. Thực hiện chế độ tự quản

- Buổi đầu độc lập, các vua Ngô - Đinh - Tiền Lê thường giao cho các tù trưởng miền núi Lạng Sơn việc điều tra, xem xét tình hình chính trị, quân sự ở bên kia biên giới để từ đó chủ động hơn cho việc phòng chống giặc ngoại xâm. Các tộc người thiểu số Lạng Sơn ngày càng gắn bó với đất nước và chính quyền Đại Việt.

Tư liệu 1: “Đến thời nhà Trần, các tù trưởng Lạng Sơn là Họ Vi quản lý các châu Lộc Bình, Tư Lãng, Tô Mậu thuộc Nà Dương (Na Dương ngày nay và Đình Lập)...; Họ Nông giữ châu Thất Nguyên (Thất Khê). Bên cạnh đó, nhiều quý tộc tài giỏi cũng được cử đến Lạng Sơn như: Thiệu Thốn là viên quan văn, được cử lên giữ châu Đoàn Thành (Lạng Sơn), Nguyễn Công Ngân là quan võ, được cử lên cai quản châu Thất Nguyên (Tràng Định, Lạng Sơn ngày nay).

(*Thổ ty Lạng Sơn trong Lịch sử*, Nxb Văn hóa dân tộc, HN. 2011, tr37).

b. Ràng buộc, thu phục các tù trưởng dân tộc thiểu số, phủ dụ dân chúng

Thời nhà Lý đã triệt để thực hiện chính sách “nhu viễn” - mềm dẻo phương xa. Chính sách này được thể hiện trước hết thông qua sự ràng buộc về hôn nhân, nhiều tù trưởng trở thành phò mã, gắn bó và chịu sự thuần phục của triều đình. Tuy nhiên, khi các tù trưởng bị các thế lực mua chuộc, lôi kéo nuôi ý đồ cát cứ thì triều đình sẵn sàng điều quân đi dẹp loạn.

Tiêu biểu là họ Giáp có nhiều thế hệ được làm phò mã của nhà Lý. Họ Giáp nổi đời làm châu mục vùng Lạng Châu (Bắc Giang và nam Lạng Sơn).

Tư liệu 2: Sau khi lên ngôi, Lý công Uẩn đã gả con gái cho tù trưởng động Giáp ở Lạng Châu (phía nam Lạng Sơn và phía bắc Bắc Giang ngày nay) là Giáp Thừa Quý rồi đổi ra họ Thân. Con Thừa Quý là Thiệu Thái lấy con gái Đức Chính (Lý Thái Tông), con Thiệu Thái là Cảnh Long lại lấy con gái Nhật Tôn (tức Lý Thánh Tông)

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, toàn tập, Nxb Thời đại, HN.2006, tr98).

c. Phát huy sức mạnh của Nhà nước trung ương, chống xu hướng ly khai, cát cứ để thống nhất quốc gia

Bên cạnh chính sách lôi kéo ràng buộc, khoan dung vỗ về đối với tù trưởng, thì triều đình cũng sử dụng vũ lực nhằm trấn áp, đối phó nhiều cuộc nổi dậy có ý đồ ly khai, nuôi mầm mống cát cứ, tự thành lập nước nhỏ. Sau khi quy phục, các tù trưởng được tạo cơ hội để phục tùng triều đình trung ương.

Tư liệu 3: Năm 1029, một số tù trưởng nam Cao Bằng, Lạng Sơn làm phản, vua Lý Thánh Tông đích thân đi đánh châu Thất Nguyên (Thất Khê, Cao Bằng), Đông Chinh Vương đánh châu Văn (Văn Uyên, Lạng Sơn). Năm 1351, người Thái Nguyên và Lạng Sơn tụ họp làm giặc, cướp đánh lẫn nhau, vua Trần Dụ Tông sai quân đi dẹp được.

(TS. Đàm Thị Uyên, *Chính sách dân tộc của các triều đại*, Nxb Văn hóa dân tộc, tr 24).

d. Cử các phiên thần, lưu quan đi trấn giữ những vùng biên viễn

Từ thời nhà Lý Trần, triều đình thường cử các quý tộc có năng lực, các quan lại danh tiếng, am hiểu phong tục tập quán lên trấn trị biên cương. Bên cạnh đó, các tù trưởng dân tộc thiểu số vẫn được sử dụng trong việc cai trị ở các địa phương, được ban chức tước và trao quyền hành lớn.

Qua gia phả một số dòng họ ở Lạng Sơn, cho biết là vào đời Trần Hiến Tông (1328-1341) Thiệu Thốn là viên quan văn, được cử lên trấn giữ châu Đoàn Thành (Lạng Sơn); Nguyễn Công Ngân, quan võ, được cử lên cai quản châu Thất Nguyên (Tràng Định, Lạng Sơn ngày nay).

Thời Lê Sơ, nhiều phiên thần là người Kinh đã được cử đến Lạng Sơn. Con cháu đời đời sinh sống, hòa vào cư dân bản địa, định cư và phát triển ở miền núi, biên giới, không về quê cũ nữa. Điều này đã tạo nên sự giao thoa văn hóa người Kinh và người Tày, Nùng. Tiêu biểu là các phiên thần họ Nguyễn Đình, họ Vi, Hà, Nông, Hoàng Đình, Nguyễn Khắc - Nguyễn Công.

Tư liệu 4. Họ Hà ở Giao Thủy, Nam Định. Hà Hặc theo vua Lê Thái Tổ đi dẹp bè lũ tù trưởng Nông Thiện Thái ở Cao Bằng. Sau khi dẹp xong loạn, vua lưu ông ở lại Lạng Sơn cùng các phiên thần khác phòng thủ nơi xung yếu. Hà Hặc lấy xã Dạ Nham, châu Văn Uyên làm thái ấp, con cháu của ông định cư lâu đời ở châu Văn Quan, họ Hà làm quan ở thời Lê tất cả là 300 người. Họ Hoàng Đình quê Nghệ An lên phòng thủ vùng An Châu, trong đó có Hoàng Đình Hào giữ vùng Chi Lăng. Họ Hoàng Đức từ đời Trần được triều đình cử lên làm thổ tù tỉnh Lạng Sơn nổi đời làm phụ đạo ở châu Văn Uyên, đóng dinh ở địa phận tổng Hành Lư (xã Thanh Cẩm và Thủy Loan) kiêm làm nhiệm vụ phòng thủ các cửa ải. Đời Lê Sơ họ Hoàng tiếp tục làm thổ tù, tiêu biểu là Hoàng Đức Chỉ hết lòng cùng các phiên thần giúp nhà Lê chống Mạc sau này...

(TS. Đàm Thị Uyên, *Chính sách dân tộc của các triều đại*, Nxb Văn hóa dân tộc, tr 34).

Thời nhà Nguyễn, từ thời vua Tự Đức đã cho điều tra, thống kê danh sách con cháu các dòng họ thổ ty. Trong đó Lạng Sơn có 7 dòng họ thổ ty có quyền hạn, uy tín, được triều đình phong kiến thừa nhận, gồm họ: Vi, Hà, Nguyễn Đình, Nông, Hoàng Đức, Hoàng Đình, Nguyễn Khắc - Nguyễn Công.



Hình 1. Khu di tích lưu niệm dòng họ Vi ở Bản Chu, xã Khuất Xá, huyện Lộc Bình.



Hình 2. Tổng đốc Vi Văn Định - đời thứ 13 của dòng họ Vi.



Hình 3. Đền Tả Phủ - Thành phố Lạng Sơn nơi thờ Hán Quận công Thân Công Tài.

Em có biết ?

Tại đền Tả Phủ - Thành phố Lạng Sơn, nơi thờ Hán Quận công Thân Công Tài có câu đối:
“Lịch sử lưu danh tuyên hậu thế. Thương trường khai vị Hán Quận công”.

Dịch nghĩa là:

“Lịch sử lưu danh truyền muôn thủa.

Mở chợ gây dựng thương trường là Hán Quận công”.



1. Trình bày tóm tắt chính sách đoàn kết dân tộc của các triều đại phong kiến đã được thực thi ở Lạng Sơn từ thế kỉ X - XIX.

2. Kể tên 7 dòng họ thổ ty ở Lạng Sơn. Vì sao các dòng họ này lại được triều đình trọng dụng và nhân dân yêu mến?

3. Ý nghĩa của chính sách đoàn kết các dân tộc trong xây dựng và bảo vệ quê hương

Với các chính sách dân tộc phù hợp, vùng đất miền núi biên cương Lạng Sơn luôn đảm nhận được vai trò “phên dậu” của đất nước. Các tù trưởng, đồng bào là người bầy tôi giữ đất đai của triều đình, bảo toàn lãnh thổ, an toàn nhân dân, bẻ gãy những mũi tấn công của các thế lực.



Chính trị ổn định: Chính sách đoàn kết các dân tộc của triều đình đối với vùng đất Lạng Sơn đã góp phần ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc biên giới đất liền của Tổ quốc. Đồng thời giúp Lạng Sơn luôn là một phần thống nhất của quốc gia dân tộc.



Phát triển kinh tế địa phương: Một khi chính trị ổn định, đồng bào các dân tộc đoàn kết thì nhân dân an tâm cày cấy, chăn nuôi, lập làng bản, nhiều cầu đường giao thông được xây dựng, việc lưu thông buôn bán được mở rộng. Kinh tế có những bước phát triển, góp phần đem lại sự phồn thịnh cho quê hương xứ Lạng.



Văn hóa - xã hội: Nhân dân có cuộc sống ổn định, phát huy phong tục tập quán tốt đẹp của quê hương, xây dựng nếp sống văn hóa, tích cực học tập, mở mang kiến thức, xây dựng chùa chiền... góp phần tạo nên sự đa dạng của văn hóa dân tộc Việt Nam.



1. *Nêu ý nghĩa của chính sách dân tộc từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX trong xây dựng và bảo vệ quê hương xứ Lạng.*
2. *Ngày nay, Đảng và Nhà nước ta đã kế thừa những chính sách trên như thế nào trong việc quản lý địa phương. Lấy ví dụ cụ thể.*

LUYỆN TẬP

1. Em hãy thống kê các chính sách dân tộc được thực thi ở Lạng Sơn từ thế kỷ X đến nay. Minh chứng cụ thể?
2. Hãy kể một câu chuyện về Bác Hồ thể hiện tinh thần đoàn kết. Em rút ra bài học gì từ câu chuyện đó?

VẬN DỤNG

1. Em hãy nêu những biểu hiện của tinh thần đoàn kết dân tộc?
2. Nêu những hành động mà bản thân có thể thực hiện để góp phần xây dựng khối đoàn kết dân tộc tại quê hương em?

PHẦN GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

1. *Phiên thần* là những quý tộc, công thần dưới thời phong kiến, được nhà vua phong cho cai trị một vùng đất.

2. *Phiên thần thế tập* là những quý tộc công thần thời phong kiến được nhà vua phong cho cai trị một vùng đất, con cháu đời đời của họ có quyền thừa kế công lao của tổ tiên cả về tước vị và ruộng đất được phong.

3. *Lưu quan* là chế độ được thiết lập thời nhà Nguyễn, mỗi phủ, huyện đều có một quan lại là người Kinh được trung ương cử đến cùng người địa phương cai quản.

4. *Thổ ty* có nguồn gốc là những phiên thần thế tập, lưu quan có quê quán ở các tỉnh miền xuôi được triều đình cử lên miền núi để cai quản dân binh, bảo vệ biên cương, được phong đất... định cư lâu dài.

5. *Phủ dụ*: Phủ là vỗ về; dụ là dỗ dành cho người ta nghe theo mình.

CHỦ ĐỀ 6

PHÁT HUY THẾ MẠNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG VỀ VỊ TRÍ ĐỊA LÍ ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH LẠNG SƠN

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Xác định được đặc điểm vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ của tỉnh Lạng Sơn trên bản đồ.
- Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ đến đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng của tỉnh Lạng Sơn.
- Thu thập tài liệu, trình bày được báo cáo ngắn về vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và phân chia hành chính của địa phương (xã/phường/thị trấn, huyện/thành phố) nơi em sinh sống.

KHỞI ĐỘNG

Lạng Sơn là tỉnh miền núi biên giới của Việt Nam với lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, giữ vị trí chiến lược quan trọng về nhiều mặt của đất nước. Em hãy nêu những hiểu biết của mình về vị trí địa lí và ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên và sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh Lạng Sơn.

KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lí và giới hạn

Lạng Sơn là tỉnh miền núi nằm ở phía Đông Bắc của Tổ quốc, thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, với hệ tọa độ địa lí kéo dài từ 21°19'B đến 22°27'B và từ 106°06'Đ đến 107°21'Đ.

Lạng Sơn tiếp giáp 5 tỉnh của nước ta và có đường biên giới dài hơn 231,7 km với Trung Quốc. Đường biên giới giữa Lạng Sơn với Trung Quốc phần lớn được xác định theo các địa hình đặc trưng như các đỉnh núi, đường sông núi, các đường chia nước, khe, sông suối và đã được cắm mốc, phân định.

Biên giới Lạng Sơn - Trung Quốc có 474 cột mốc quốc giới với 2 cửa khẩu quốc tế (Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị và Cửa khẩu quốc tế ga Đồng Đăng), 1 cửa khẩu chính (Cửa khẩu Chi Ma), 9 cửa khẩu phụ và nhiều lối mở.

Lạng Sơn có tổng diện tích là 8310,09 km² (năm 2020), đứng thứ 4/15 tỉnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (chiếm khoảng 8,73% diện tích toàn vùng) và đứng thứ 11/63 tỉnh, thành phố cả nước (chiếm khoảng 2,5% diện tích cả nước).



Dựa vào hình 1 và thông tin trong mục 1, em hãy cho biết:

- Tỉnh Lạng Sơn thuộc vùng kinh tế nào, nằm ở phía nào của nước ta.
- Tỉnh Lạng Sơn tiếp giáp quốc gia và các tỉnh nào trong nước.
- Vị trí các điểm cực Bắc, cực Nam, cực Tây, cực Đông của tỉnh.
- Tên các huyện biên giới của tỉnh Lạng Sơn tiếp giáp với Trung Quốc.

2. Phân chia hành chính

Các đơn vị hành chính trong nội bộ tỉnh Lạng Sơn có thay đổi nhiều lần theo giai đoạn lịch sử và quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Tính đến năm 2020, tỉnh Lạng Sơn có 11 đơn vị hành chính; trong đó có 01 thành phố trực thuộc tỉnh và 10 huyện.

DIỆN TÍCH VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TRỰC THUỘC TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2020

STT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích (km ²)	Tổng số phường, thị trấn, xã	Chia		
				Phường	Thị trấn	Xã
1	TP. Lạng Sơn	77,94	8	5	-	3
2	Huyện Bắc Sơn	699,41	18	-	1	17
3	Huyện Bình Gia	1094,15	19	-	1	18
4	Huyện Cao Lộc	619,09	22	-	2	20
5	Huyện Chi Lăng	704,19	20	-	2	18
6	Huyện Đình Lập	1189,56	12	-	2	10
7	Huyện Hữu Lũng	807,63	24	-	1	23
8	Huyện Lộc Bình	986,44	21	-	2	19
9	Huyện Tràng Định	1016,71	22	-	1	21
10	Huyện Văn Lãng	567,41	17	-	1	16
11	Huyện Văn Quan	547,56	17	-	1	16
Tổng		8310,09	200	5	14	181

(Nguồn: Niên giám thống kê Lạng Sơn 2020, NXB Thống kê, 2021)



- Dựa vào bảng số liệu và thông tin trong mục 2, em hãy:
- Nhận xét sự phân chia số lượng các đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh Lạng Sơn.
 - Kể tên các xã/phường/thị trấn của huyện/thành phố em đang sinh sống.



Hình 2. Một góc của thành phố Lạng Sơn

Các cơ quan hành chính quan trọng nhất của tỉnh đều nằm ở thành phố Lạng Sơn.

Khoảng cách từ trung tâm Thành phố Lạng Sơn đến trung tâm các huyện trong tỉnh không quá xa tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân bố sản xuất, đi lại và giao lưu buôn bán trong địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, Lạng Sơn vẫn còn nhiều xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn. Vì vậy, tỉnh cần có sự đầu tư rất lớn để giảm bớt sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các đơn vị hành chính.

3. Ý nghĩa của vị trí địa lí

- Về tự nhiên:

Vị trí địa lí có ảnh hưởng rất lớn đến tự nhiên của tỉnh Lạng Sơn, quy định khí hậu mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh; tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản và sinh vật phong phú cho phép phát triển nhiều ngành kinh tế.

Vị trí địa lí cùng với điều kiện tự nhiên dẫn đến nguy cơ có thể xảy ra nhiều thiên tai, dịch bệnh và những hiện tượng bất thường về thời tiết, khí hậu gây ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống người dân.

- Về kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh quốc phòng:

Lạng Sơn là tỉnh nằm ở cửa ngõ phía Bắc của Việt Nam, nằm trong vùng đệm giữa địa bàn kinh tế trọng điểm phía Bắc và vùng kinh tế phát triển năng động Tây Nam Trung Quốc. Lạng Sơn là nơi bắt đầu của tuyến quốc lộ 1, nằm trên tuyến đường sắt liên vận quốc tế và cũng là nơi có nhiều tuyến đường bộ quan trọng đi qua như quốc lộ 1B, quốc lộ 4A, 4B, cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn.

Vì vậy, Lạng Sơn có vị trí đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của đất nước, là trung tâm trao đổi hàng hóa lớn của nước ta với Trung Quốc, từ đó mở rộng sang các nước ở Đông và Trung Á. Hiện nay, cơ sở hạ tầng giao thông vận tải của tỉnh đang được đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa nên càng thuận lợi để Lạng Sơn phát triển nền kinh tế mở với nhiều ngành kinh tế, nhất là thương mại và du lịch. Vị trí còn tạo điều kiện cho Lạng Sơn thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập, giao lưu kinh tế, trao đổi khoa học - công nghệ với các tỉnh trong nước và với Trung Quốc.

Bên cạnh đó, vị trí địa lí còn tạo thuận lợi trong việc giao lưu văn hóa, chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các dân tộc trong vùng và với Trung Quốc.

Khai thác thông tin trong mục và quan sát hình 3, hãy phân tích ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên và sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lạng Sơn.



Hình 3. Cửa khẩu Chi Ma (huyện Lộc Bình)

LUYỆN TẬP

1. Trình bày đặc điểm vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ của tỉnh Lạng Sơn.
2. Phân tích ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên, sự phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng tỉnh Lạng Sơn.

VẬN DỤNG

Sưu tầm thêm thông tin, hình ảnh để viết một báo cáo ngắn giới thiệu về vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và phân chia hành chính của địa phương (xã/phường/thị trấn, huyện/thành phố) nơi em sinh sống. Phân tích ý nghĩa của vị trí đó đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nơi em sinh sống.

Gợi ý:

- *Nêu tên huyện/thành phố nơi em sinh sống.*
- *Trình bày vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ của huyện/thành phố: nằm ở phía nào của tỉnh Lạng Sơn; tiếp giáp với quốc gia nào, tỉnh nào, huyện/thành phố nào trong tỉnh; diện tích, tổng số đơn vị hành chính cấp xã/phường/thị trấn.*
- *Phân tích ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương nơi em sinh sống.*
- *Hình ảnh liên quan đến nơi em sinh sống như Bản đồ hành chính cấp huyện/thành phố; phong cảnh quê hương...*

THẾ MẠNH VỀ TỰ NHIÊN ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH LẠNG SƠN

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau chủ đề này, học sinh:

- Trình bày được các thế mạnh nổi bật về tự nhiên của tỉnh Lạng Sơn.
- Đánh giá được tiềm năng, thế mạnh về tự nhiên trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lạng Sơn.
- Viết báo cáo thế mạnh về tự nhiên của địa phương nơi em đang sinh sống.

KHỞI ĐỘNG

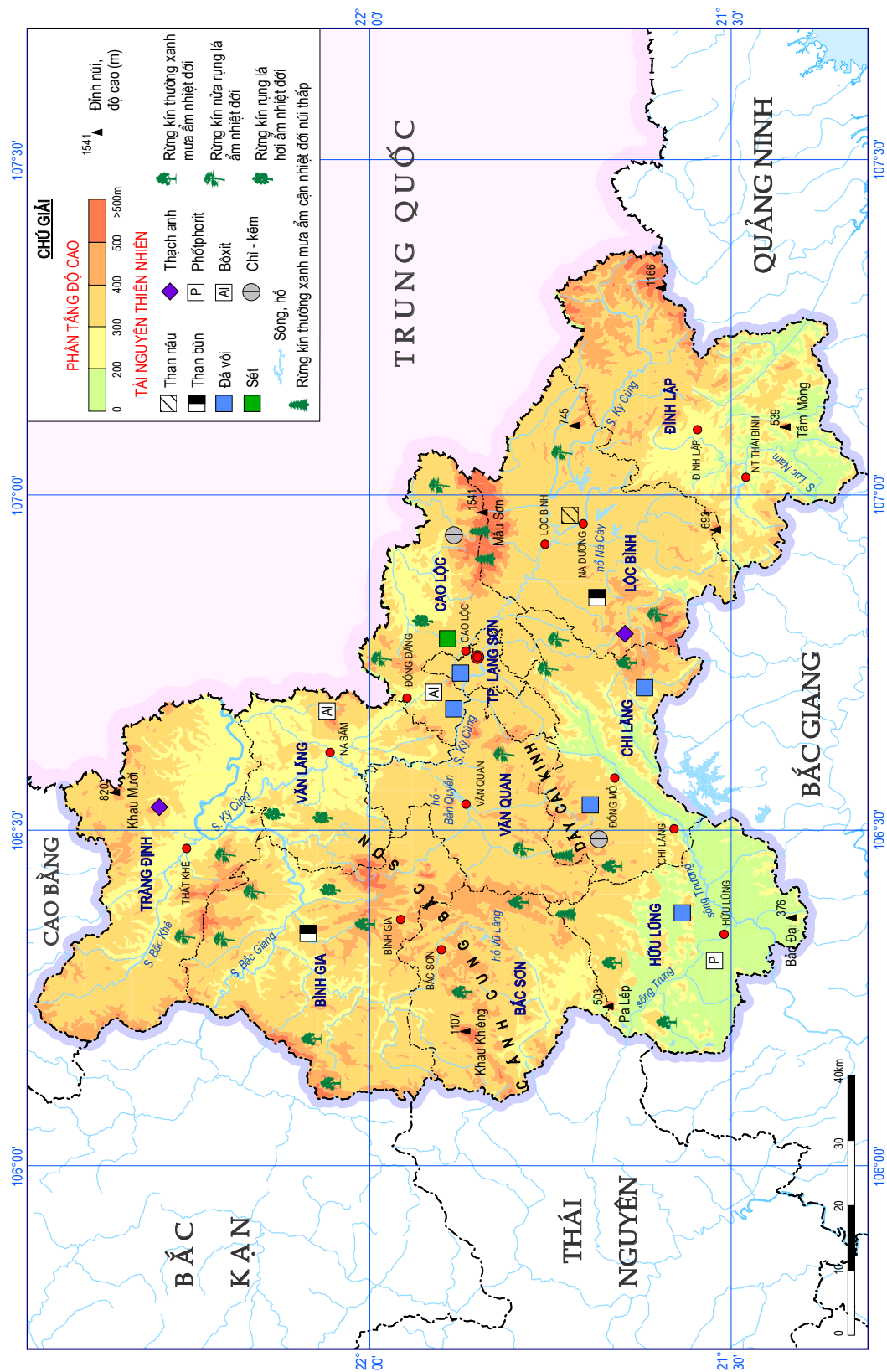
Em suy nghĩ như thế nào về nhận định: “Tỉnh Lạng Sơn có nhiều thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế”.

KHÁM PHÁ

1. Địa hình

Địa hình Lạng Sơn có độ cao trung bình khoảng 252m so với mực nước biển. Dạng địa hình phổ biến ở Lạng Sơn là đồi và núi thấp. Nơi cao nhất là đỉnh Phia Mè (thuộc khối núi Mẫu Sơn) cao 1.541m. Cấu trúc địa hình gồm hai hướng chính là tây bắc - đông nam (thể hiện ở vùng máng trũng Thất Khê - Lộc Bình) và đông bắc - tây nam (thể hiện rõ rệt ở vùng núi đá vôi Bắc Sơn và một số núi thuộc các huyện Hữu Lũng, Chi Lăng, Văn Quan, Văn Lãng). Địa hình đặc trưng với các dãy núi hướng vòng cung mở rộng về phía đông làm cho Lạng Sơn trở thành cửa ngõ đón gió mùa Đông Bắc trong mùa đông ở nước ta.

Ngoài ra, địa hình Lạng Sơn còn mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa với dạng địa hình độc đáo như hang động cacxtơ (động Nhị Thanh, Tam Thanh ...).



Hình 1. Bản đồ tự nhiên tỉnh Lạng Sơn

EM CÓ BIẾT?

Địa hình Lạng Sơn với hệ thống hang động, thạch nhũ còn bảo tồn tốt, các thung lũng giữa núi phân cách nhau bởi các cụm đỉnh dạng chóp nón, yên ngựa nổi đỉnh, tạo nên địa hình độc đáo. Với vẻ đẹp đặc trưng đó, ngày 13/12/2021, UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 2424/QĐ-UBND về việc thành lập công viên địa chất Lạng Sơn trên phạm vi các huyện: Bắc Sơn, Bình Gia, Văn Quan, Chi Lăng, Hữu Lũng với tổng diện tích 3.845,8 km².

Địa hình Lạng Sơn chia thành ba khu vực với những đặc điểm riêng biệt, tạo nên thế mạnh kinh tế khác nhau.

- Vùng núi đá vôi cánh cung Bắc Sơn: Độ cao trung bình toàn vùng là 400 - 500m, thấp dần từ phía tây bắc xuống đông nam với nhiều khối núi đá vôi, nhiều hang động cacxtơ lớn vào bậc nhất cả nước, có giá trị đối với hoạt động du lịch như hang Gió (huyện Chi Lăng) và nghiên cứu như hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (huyện Bình Gia). Xen giữa các khối núi là thung lũng với các cánh đồng tương đối rộng lớn và đồng cỏ bằng phẳng thuận lợi phát triển nông nghiệp và du lịch.



Hình 2. Thảo nguyên Đồng Lâm (huyện Hữu Lũng)



Hình 3. Cảnh đồng Bắc Sơn (huyện Bắc Sơn)

- Vùng đồi núi tả ngạn sông Kỳ Cùng và dọc thung lũng sông Thương: Địa hình thấp dần từ phía tây bắc xuống đông nam. Vùng đồi núi ở huyện Bình Gia, phía tây huyện Tràng Định, Bắc Sơn là vùng núi cao, hiểm trở nên giao thông đi lại khó khăn, kinh tế chậm phát triển. Vùng đồi núi dọc thung lũng sông Thương (huyện Chi Lăng, Hữu Lũng) gồm các dãy đồi và núi thấp xen kẽ là ruộng, bãi ven sông rất thích hợp cho trồng lúa, cây công nghiệp, cây ăn quả.

- Vùng máng trũng Thất Khê - Lộc Bình và đồi núi dọc biên giới Việt Trung: Bề mặt địa hình là một vùng trũng không liên tục, bị ngắt quãng bởi những dải đồi núi thấp và hẹp. Dọc máng trũng có ba bồn địa lớn: Na Dương - Lộc Bình, Bản Ngà - Thành phố Lạng Sơn và Thất Khê tương đối thuận lợi trong việc tập trung dân cư, phát triển đô thị, hình thành các cơ sở sản xuất hàng hóa đặc biệt là sản xuất lương thực. Ngoài ra, khối núi Mẫu Sơn chạy gần theo hướng đông - tây, độ cao trung bình từ 800 - 1.000m với cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, hội tụ đầy đủ các điều kiện để xây dựng, phát triển thành khu du lịch quốc gia.



Hình 4. Đỉnh núi Mẫu Sơn (huyện Lộc Bình)



Hình 5. Động Tam Thanh (thành phố Lạng Sơn)

Như vậy, Lạng Sơn có nhiều dạng địa hình độc đáo, phân hóa đa dạng tạo thuận lợi phát triển nhiều ngành kinh tế.



1. Dựa vào kiến thức đã học và bản đồ tự nhiên Lạng Sơn, hãy nhận xét đặc điểm địa hình Lạng Sơn.

2. Hãy nêu biểu hiện của địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa ở tỉnh Lạng Sơn.

3. Quan sát hình 2, hình 3, hình 4 và hình 5 cho biết địa hình Lạng Sơn thuận lợi cho phát triển các ngành kinh tế nào?

2. Khí hậu

Khí hậu Lạng Sơn mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh với nhiệt độ trung bình năm từ 17 - 22°C, lượng mưa trung bình 1400 - 1500mm/năm, độ ẩm trung bình trên 82%. Do chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa Đông Bắc nên khí hậu trong năm có mùa đông lạnh nhất cả nước với nhiệt độ trung bình từ 13 đến 17°C, thấp nhất vào tháng 1 (13,3°C).

Đặc điểm khí hậu tạo thuận lợi cho Lạng Sơn có thể mạnh đặc biệt để phát triển các cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới. Chè đang trở thành cây công nghiệp chủ đạo, hình thành vùng sản xuất tập trung gắn với cơ sở chế biến.

EM CÓ BIẾT?

Thị trấn Nông trường Thái Bình (huyện Đình Lập) có thế mạnh về sản xuất chè. Trong đó, chủ yếu trồng các loại chè như: Trung du, Bát Tiên, Ô Long, Ngọc Thúy. Nơi đây đã hình thành mô hình sản xuất chè an toàn gắn với áp dụng khoa học kỹ thuật, giúp người dân phát triển kinh tế, góp phần xóa đói, giảm nghèo.

Ở vùng núi, khí hậu rất thuận lợi cho việc trồng các cây thuốc quý (hồi, tam thất, đương quy, hà thủ ô đỏ...), các cây ăn quả (hồng, lê, đào, mận, quýt, na...) và các loại rau ôn đới, mở ra khả năng hình thành vùng sản xuất hàng hóa với quy mô lớn.

Ngoài ra khí hậu Lạng Sơn có sự phân hóa rõ rệt theo độ cao. Vùng núi Mẫu Sơn mang nét đặc trưng của khí hậu cận nhiệt đới, nhiệt độ trung bình năm là $15,6^{\circ}\text{C}$ với hai mùa rõ rệt: Mùa hè thời tiết mát mẻ; mùa đông nhiệt độ hạ thấp, thấp nhất dưới 0°C , thường xuyên có sương mù bao phủ, xuất hiện băng giá và tuyết rơi thuận lợi phát triển du lịch nghỉ dưỡng.

Tuy nhiên, Lạng Sơn chịu ảnh hưởng của một số hiện tượng thời tiết cực đoan như rét đậm, rét hại, sương muối, giông lốc, mưa đá... gây tác động xấu đến sản xuất và sinh hoạt.



1. Trình bày đặc điểm khí hậu của tỉnh Lạng Sơn. Đánh giá ảnh hưởng của khí hậu đến phát triển các ngành kinh tế của tỉnh Lạng Sơn.

2. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh ảnh hưởng như thế nào đến phát triển nông nghiệp ở địa phương em?

3. Nguồn nước

Lạng Sơn có nguồn tài nguyên nước phong phú bao gồm nước trên mặt và nước ngầm. Tổng lượng nước hằng năm của các sông đạt $5,9 \text{ tỉ m}^3$. Chế độ nước sông chia làm hai mùa chính: Mùa lũ và mùa cạn, tương ứng hai mùa của khí hậu. Mùa lũ tập trung từ 66 đến 80% tổng lượng nước trong năm. Các sông chính là sông Kỳ Cùng (thuộc hệ thống sông Kỳ Cùng - Bằng Giang), sông Thương và sông Lục Nam (thuộc hệ thống sông Thái Bình).

Trên địa bàn tỉnh có 271 hồ nước được phân bố đồng đều tại các huyện, thành phố đã được phân cấp quản lí.

Hệ thống sông, hồ ở Lạng Sơn có ý nghĩa quan trọng trong việc tiêu nước và tích nước, cung cấp nguồn nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

Các sông ở Lạng Sơn có tiềm năng phát triển thủy điện. Nguồn thủy năng này đã và đang được khai thác trên sông Kỳ Cùng như nhà máy thủy điện Khánh Khê (huyện Văn Quan) 7MW, Thác Xăng (huyện Tràng Định) 20MW. Việc phát triển các nhà máy thủy điện sẽ tạo ra động lực mới cho sự phát triển công nghiệp của tỉnh.

Với nhiều đặc điểm tự nhiên độc đáo, hệ thống sông suối, hồ còn có tiềm năng lớn phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái. Thành phố Lạng Sơn - nơi dòng sông Kỳ Cùng uốn quanh đang hứa hẹn hình thành khu du lịch sinh thái sông Kỳ Cùng.



Hình 6. Sông Kỳ Cùng (thành phố Lạng Sơn)



Hình 7. Hồ Bả Lải (huyện Lộc Bình)



Hình 8. Khu du lịch sinh thái suối Mỏ Mắm
(huyện Bắc Sơn)



Hình 9. Nhà máy thủy điện Thác Xăng
(huyện Tràng Định)

Tuy nhiên, việc khai thác, xả thải không hợp lý trong sản xuất và sinh hoạt làm cho nguồn nước ở nhiều nơi bị cạn kiệt, ô nhiễm... Vấn đề quản lý sử dụng hợp lý tài nguyên nước phục vụ phát triển bền vững là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh Lạng Sơn trong giai đoạn phát triển tới.



1. Trình bày đặc điểm tài nguyên nước của tỉnh Lạng Sơn.
2. Sông, hồ có ảnh hưởng như thế nào đối với sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lạng Sơn?

4. Đất

Tài nguyên đất là nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lạng Sơn. Tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh Lạng Sơn khoảng 8.310,1 km²; đất đai khá màu mỡ, giàu dinh dưỡng với nhiều loại đất khác nhau có giá trị phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa.

Chiếm diện tích chủ yếu là đất feralit của các vùng đồi và núi thấp (dưới 700m) hình thành trên đá phiến thích hợp trồng rừng, cây công nghiệp lâu năm và các loại cây ăn quả. Tại các vùng đồi thấp có dải đất feralit hình thành trên đá vôi thích hợp trồng các loại cây như ngô, đỗ, lạc, mía và cây ăn quả như na, mơ, mận, hồng, quýt... cho phép phát triển kinh tế vườn đồi, trồng cây ăn quả và cây công nghiệp ngắn ngày.

Ở một số cánh đồng giữa núi có đất phù sa khá màu mỡ hình thành vùng trồng lúa thâm canh như cánh đồng Thất Khê, Bắc Sơn...

Ở vùng núi cao hình thành loại đất feralit có mùn thuận lợi cho trồng cây ăn quả, dược liệu và rau ôn đới.

Nhóm đất phù sa được bồi đắp hàng năm phân bố dọc hai bờ sông Kỳ Cùng và sông Thương, thích hợp trồng các loại cây lương thực như lúa, ngô, các loại rau, đậu.

Theo số liệu thống kê năm 2020, Lạng Sơn có 788,7 nghìn ha đất nông nghiệp (chiếm 86,6% tổng diện tích tự nhiên), trung bình trên đầu người là hơn 1,1ha.

**BẢNG 1. CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT Ở TỈNH LẠNG SƠN
NĂM 2010 NĂM 2020**

Đơn vị: %

Năm	2010	2020
Đất nông nghiệp	80,0	86,6
Đất phi nông nghiệp	3,8	6,2
Đất chưa sử dụng	16,2	7,2

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Lạng Sơn 2010 và 2020; NXB Thống kê 2011 và 2021)

Vào mùa mưa, ở vùng đồi núi dốc đất bị rửa trôi, xói mòn; mùa khô đất bị bạc màu. Hoạt động của con người trong quá trình khai thác và sử dụng đã làm suy thoái, ô nhiễm, lãng phí tài nguyên đất. Bởi vậy, khai thác hợp lý đi đôi với cải tạo và bảo vệ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất là vấn đề có ý nghĩa chiến lược lâu dài.



1. Trình bày đặc điểm tài nguyên đất của tỉnh Lạng Sơn.
2. Tài nguyên đất có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế tỉnh Lạng Sơn ?

5. Khoáng sản

Tài nguyên khoáng sản của Lạng Sơn tương đối phong phú, gồm nhiều loại khoáng sản như than nâu, sắt, sét, đá vôi, bôxít, photphorit,... Một số loại khoáng sản có giá trị kinh tế lớn, góp phần thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Khoáng sản có ý nghĩa kinh tế lớn đang được khai thác và đưa vào sử dụng chủ yếu là than nâu và đá vôi. Than nâu là khoáng sản quan trọng nhất phân bố chủ yếu ở Na Dương (huyện Lộc Bình) với trữ lượng khoảng 96,6 triệu tấn. Than chủ yếu làm nhiên liệu cho nhà máy nhiệt điện Na Dương. Đá vôi là nguyên liệu quý cho sản xuất vật liệu xây dựng - ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh. Trong tỉnh đã hình thành khu công nghiệp Đồng Bành, Nhà máy xi măng Hồng Phong sử dụng đá vôi sản xuất xi măng phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.

Ngoài ra, Lạng Sơn còn khai thác một số loại quặng như bôxít, sắt, chì, kẽm,... với qui mô nhỏ để làm phụ gia cho sản xuất xi măng, hạt mài, sản xuất phân bón và xuất khẩu.

Tuy nhiên, việc phát triển các ngành công nghiệp khai thác khoáng sản cần chú ý những tác động đến môi trường.



1. Căn cứ vào bản đồ tự nhiên tỉnh Lạng Sơn, xác định sự phân bố một số loại khoáng sản chính.

2. Nêu ý nghĩa của tài nguyên khoáng sản đối với sự phát triển công nghiệp của tỉnh Lạng Sơn?

6. Sinh vật

Lạng Sơn có nguồn tài nguyên sinh vật khá phong phú và đa dạng đã mang lại lợi ích lớn về kinh tế, là cơ sở chính để Lạng Sơn phát triển các ngành khai thác và chế biến lâm sản, du lịch sinh thái, mô hình kinh tế nông - lâm kết hợp. Đồng thời rừng cũng có vai trò quan trọng đối với việc đảm bảo cân bằng sinh thái, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

**BẢNG 2. DIỆN TÍCH RỪNG, ĐỘ CHE PHỦ RỪNG Ở LẠNG SƠN
NĂM 2010 VÀ NĂM 2020**

Năm	Tổng diện tích có rừng (nghìn ha)	Diện tích rừng tự nhiên (nghìn ha)	Diện tích rừng trồng (nghìn ha)	Độ che phủ (%)
2010	430,7	251,4	179,3	46,4
2020	550,9	295,7	255,2	63,0

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2011 và 2020; NXB Thống kê 2012 và 2021)

Hiện nay ở Lạng Sơn, rừng sản xuất chiếm diện tích khoảng 59,1% có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế. Rừng phòng hộ và rừng đặc dụng có vai trò điều tiết dòng chảy, chống xói mòn, bảo vệ đa dạng sinh học, tạo cảnh quan phát triển du lịch sinh thái, chủ yếu tập trung trong các khu bảo tồn thiên nhiên Hữu Liên (huyện Hữu Lũng) và Mỏ Rẹ (huyện Bắc Sơn).

Việc khai thác tài nguyên rừng còn chưa hợp lí ở một số nơi dẫn đến xói mòn, sạt lở đất, môi trường bị giảm sút. Vì vậy cần khai thác rừng hợp lí, đi đôi với khoanh nuôi, bảo vệ và trồng rừng mới.



1. Nêu ý nghĩa về mặt kinh tế và sinh thái của tài nguyên rừng tỉnh Lạng Sơn?

2. Dựa vào bảng 2, nhận xét về diện tích rừng và độ che phủ rừng ở Lạng Sơn năm 2010 và năm 2020.

LUYỆN TẬP

Chứng minh rằng tỉnh Lạng Sơn có nhiều thế mạnh về tự nhiên để phát triển nông nghiệp.

VẬN DỤNG

Viết báo cáo một số thế mạnh về tự nhiên của địa phương em đang sinh sống.

Yêu cầu:

- Xác định các thế mạnh về tự nhiên của huyện/thành phố nơi em đang sinh sống.

Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy nêu các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế - xã hội của huyện/thành phố nơi em đang sinh sống.

- Viết báo cáo về một số thế mạnh tự nhiên của huyện/thành phố nơi em đang sinh sống:

- + Nêu tên một số thế mạnh tự nhiên được lựa chọn.
- + Trình bày đặc điểm chung của thế mạnh đó.
- + Đánh giá được ý nghĩa của các thế mạnh trong phát triển kinh tế - xã hội.

CHỦ ĐỀ 8

KHÁI QUÁT CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ TỈNH LẠNG SƠN

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau chủ đề này, học sinh sẽ:

- Nêu được các cơ quan chính quyền của tỉnh Lạng Sơn.
- Trình bày được vị trí, vai trò và hoạt động của các cơ quan chính quyền tỉnh Lạng Sơn.
- Vận dụng được kiến thức đã học để giải quyết các tình huống thực tế liên quan đến hoạt động của các cơ quan chính quyền ở địa phương.

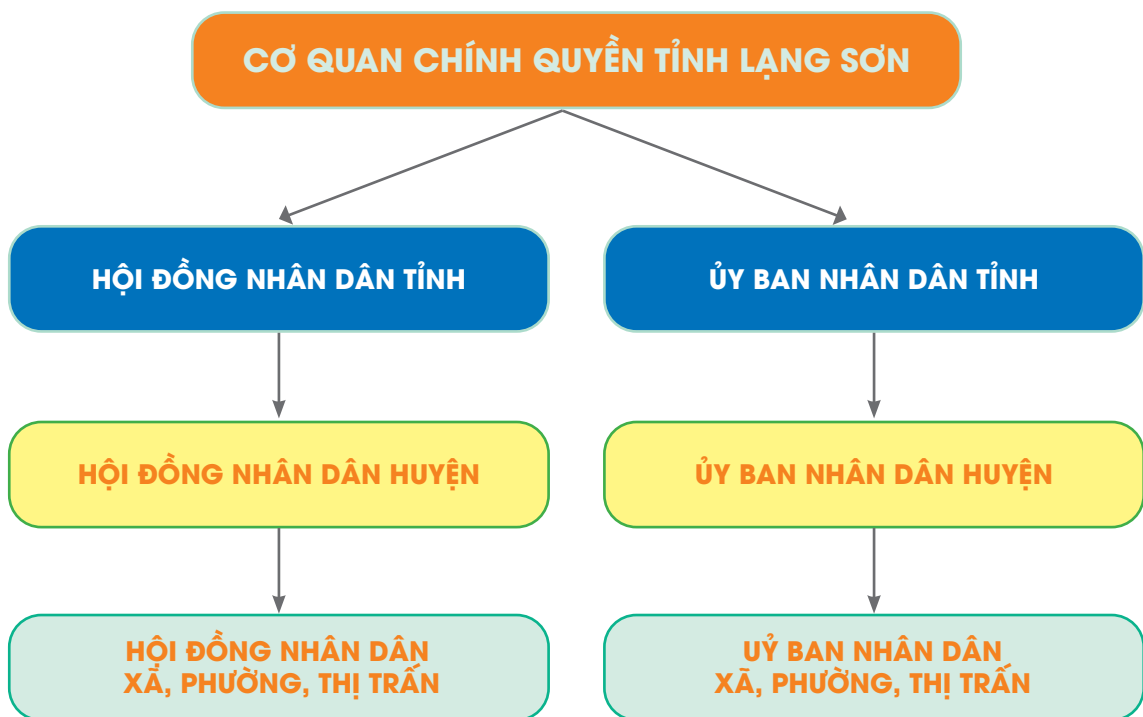
KHỞI ĐỘNG

Chính quyền tại xã/phường/thị trấn nơi em đang sinh sống đã có những hoạt động gì để cải thiện đời sống nhân dân?

KHÁM PHÁ

1. Cơ cấu tổ chức chính quyền tỉnh Lạng Sơn

Chính quyền địa phương là thiết chế nhà nước được thành lập từ địa phương để thực thi các công việc nhà nước trong phạm vi một đơn vị hành chính nhất định; chính quyền địa phương có trách nhiệm chăm lo công việc của địa phương và có thẩm quyền chung trong phạm vi lãnh thổ của đơn vị hành chính mà mình phụ trách.



Hình 1. Sơ đồ các cơ quan chính quyền tỉnh Lạng Sơn



- 1/ Em hãy kể tên các cơ quan chính quyền tỉnh Lạng Sơn?
- 2/ Hãy nêu hiểu biết của em về các cơ quan chính quyền tỉnh Lạng Sơn?

2. Vị trí, vai trò của các cơ quan chính quyền tỉnh Lạng Sơn

Lạng Sơn là tỉnh miền núi biên giới thuộc vùng Đông Bắc của Tổ quốc, có nhiều dân tộc anh em cùng sinh sống. Tuy có những nét khác nhau về ngôn ngữ, phong tục, tập quán nhưng từ thời dựng nước, cộng đồng các dân tộc tỉnh Lạng Sơn đã có truyền thống đoàn kết, gắn bó trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm cũng như trong lao động sản xuất để bảo vệ và xây dựng quê hương, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước. Chính quyền tỉnh Lạng Sơn đã nỗ lực thực hiện tốt vai trò, chức năng nhiệm vụ ở địa phương, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh ngày càng phát triển.

Em hãy đọc các thông tin dưới đây và cùng các bạn thảo luận để trả lời câu hỏi:

[1]. Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã phát huy tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân và cơ quan Nhà nước cấp trên, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, đồng thời phát huy quyền làm chủ của Nhân dân ở địa phương, góp phần to lớn vào việc thực hiện thắng lợi các chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn.



Hình 2. HĐND tỉnh Lạng Sơn ra mắt tại kỳ họp thứ nhất HĐND tỉnh Lạng Sơn khóa XVII nhiệm kỳ 2021 - 2026

[2]. Năm 2021 là năm đầu triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, ngay từ đầu năm UBND tỉnh đã tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ theo các chủ trương, nghị quyết, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh. Năm 2022 UBND tỉnh xác định phương châm hành động với chủ đề “Siết chặt kỷ cương, tăng cường trách nhiệm, quyết liệt hành động, sáng tạo bút phá”, đã thể hiện được quyết tâm, khát vọng phấn đấu vươn lên đối với một tỉnh miền núi, biên giới còn gặp rất nhiều khó khăn.

[3]. Những năm qua, cấp ủy, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh chú trọng thực hiện xây dựng mô hình “Chính quyền thân thiện”. Qua đây, đã đổi mới mạnh mẽ phong cách, lề lối làm việc của cán bộ, công chức cấp xã, từng bước chuyển đổi từ “mệnh lệnh hành chính” sang “phục vụ, hướng dẫn, vận động, thuyết phục”.



Hình 3. Người dân thị trấn Đình Lập tham khảo các thông tin được niêm yết công khai tại trụ sở UBND thị trấn



1/ Từ những thông tin trên, em hãy chỉ ra vị trí, vai trò của HĐND và UBND tỉnh Lạng Sơn.

2/ Các cơ quan chính quyền có vai trò như thế nào trong đời sống xã hội của Nhân dân tỉnh Lạng Sơn?

3. Hoạt động của các cơ quan chính quyền tỉnh Lạng Sơn

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh phát huy tốt vai trò trong công tác xây dựng pháp luật và giám sát việc thi hành pháp luật tại địa phương. Hội đồng nhân dân các cấp có nhiều đổi mới trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyết định và thực hiện tốt vai trò là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, hoạt động giám sát được tổ chức triển khai đa dạng cả về nội dung và phương pháp. Hoạt động của HĐND tỉnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2016-2021 đã khẳng định rõ nét hiệu quả của vai trò, vị thế cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Ủy ban nhân dân các cấp đã bám sát sự lãnh đạo của cấp ủy, kịp thời cụ thể hóa các nội dung công việc thuộc thẩm quyền, chỉ đạo điều hành có nhiều đổi mới sáng tạo, quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong từng thời gian, từng địa bàn, lĩnh vực.

THÀNH TỰU KINH TẾ - XÃ HỘI NỔI BẬT CỦA LẠNG SƠN Năm 2021



Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) đạt 6,67%, tăng hơn 2 lần so với năm 2020
GRDP bình quân đầu người đạt 46,9 triệu đồng, tăng 2,6 triệu đồng so với năm 2020

Thu ngân sách đạt 11.000 tỷ đồng, tăng 53% so với năm 2020, đạt cao nhất từ trước đến nay



Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn đạt 4,270 triệu USD, tăng 52% so với năm 2020

Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được cứng hóa đạt 90,6%



Thêm 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn lên 75%

Thêm 20 trường học đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số trường đạt chuẩn lên 252



Thêm 11 trạm y tế xã, phường, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, nâng tổng số xã, phường, thị trấn đạt bộ tiêu chí lên 172/200

Tính đến 31/12, tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên được tiêm phòng COVID-19 mũi 1 đạt 95,87%, tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên được tiêm đủ 2 mũi đạt 91,61%



Cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (hơn 1.000 dịch vụ)

Tỷ lệ hộ nghèo còn 5,76%, giảm 2,12% so với năm 2020



(Nguồn: Báo cáo số 159-BC/TU của Tỉnh ủy Lạng Sơn ngày 09/12/2021 về kết quả công tác năm 2021, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022; Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Lạng Sơn năm 2021; <https://soyte.langson.gov.vn>)

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn xác định nhiệm vụ, giải pháp trong công tác xây dựng chính quyền là “Xây dựng chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao năng lực điều hành và hiệu quả tổ chức thực hiện³”.

Bên cạnh kết quả đạt được, tỉnh Lạng Sơn vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức như: Quy mô kinh tế còn nhỏ, kinh tế cửa khẩu, thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; xuất nhập khẩu tăng trưởng chưa ổn định. Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động chuyển dịch còn chậm; thu ngân sách chưa bền vững; kết cấu hạ tầng còn yếu kém. Sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, phân tán và chưa khai thác hết tiềm năng, lợi thế; năng lực sản xuất, năng suất lao động thấp; chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế. Tiến độ công tác giải phóng mặt bằng còn chậm; công tác quản lý trật tự đô thị, đất đai, tài nguyên khoáng sản tại một số nơi chưa chặt chẽ, tình trạng vi phạm pháp luật về đầu tư, đất đai, khai thác khoáng sản, ô nhiễm môi trường còn xảy ra. Tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp; tình trạng công dân xuất cảnh trái phép vẫn còn diễn ra.



Từ các thông tin trên, em hãy chỉ thành tựu đạt được về kinh tế - xã hội để thấy rõ vai trò của các cơ quan chính quyền tỉnh Lạng Sơn.

Em hãy cho biết khó khăn, thách thức của chính quyền tỉnh Lạng Sơn trong thời gian qua?

LUYỆN TẬP

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai? Vì sao?

- Hội đồng nhân dân là cơ quan đại biểu do người dân ở đơn vị hành chính tương ứng bầu ra thông qua bầu cử.
- Tiềm năng nổi trội của tỉnh Lạng Sơn, đó là: Kinh tế cửa khẩu, du lịch bền vững.
- Quy mô kinh tế còn nhỏ, kinh tế cửa khẩu, thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế.
- Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh do nhân dân bầu ra là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

³ Tỉnh ủy Lạng Sơn, Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XX, tháng 11 năm 2020

2. Xử lý tình huống

Ông X ở xã A thường xuyên đổ rác thải ra đầu ngõ. Mọi người trong xã thường xuyên nhắc nhở nhưng nhà ông vẫn không thay đổi, một số người nói nên báo chính quyền xã.

Em có đồng tình với ý kiến của một số người nên báo chính quyền xã về việc làm của ông X không? Vì sao?

Nếu em sinh sống cùng thôn với ông X, em sẽ xử sự như thế nào?

VẬN DỤNG

1. Em hãy tìm hiểu và vẽ sơ đồ về cơ cấu tổ chức của chính quyền xã/phường/thị trấn nơi em sinh sống.

2. Hãy viết một bài luận về việc giải quyết tốt những vấn đề nổi cộm của chính quyền xã/phường/thị trấn nơi em sinh sống.

PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI LẠNG SƠN

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được một số biện pháp phòng chống và thích ứng với thiên tai tại Lạng Sơn.
- Thực hiện được các bước làm dự án hoặc đề tài về tuyên truyền bảo vệ môi trường tại Lạng Sơn.
- Rèn được năng lực tổ chức, sắp xếp, năng lực hợp tác nhóm, kỹ năng thực hành, viết báo cáo, làm tập san hình ảnh, kỹ năng thuyết trình...

KHỞI ĐỘNG

Theo thông tin từ Phòng Nông nghiệp và Phát triển, huyện Văn Quan, do đợt mưa lớn từ đêm 9/5/2022 đến sáng 10/5/2022, mực nước sông dâng cao và chảy xiết khiến 125 lồng nuôi cá (bao gồm 87 lồng treo và 38 lồng quây) của bà con bị vỡ, một lượng lớn cá nuôi thoát ra sông. Qua thống kê nhanh, lượng cá thất thoát lên đến hơn 27 tấn, thiệt hại ước tính hơn 3,2 tỷ đồng. (Trích Báo Lạng Sơn).



Em hãy đọc thông tin trên, cho biết hậu quả của hiện tượng thiên tai này?
Ngoài hiện tượng trên em còn biết những loại thiên tai nào?

KHÁM PHÁ

I. PHÒNG CHỐNG VÀ THÍCH ỨNG VỚI THIÊN TAI TẠI LẠNG SƠN

- Phòng chống và thích ứng với rét đậm, rét hại, sương muối



Hình 1. Người dân huyện Cao Lộc chống rét cho cây trồng, vật nuôi

Tại các huyện Cao Lộc, Chi Lăng, Bình Gia... để đề phòng có hiện tượng rét đậm, rét hại, sương muối, người dân thường che chắn chuồng trại cho gia súc gia cầm, thu hoạch hoa màu trước khi có rét đậm rét hại; dự trữ đồ ăn, chất đốt và một số loại thuốc trị bệnh cho gia súc, gia cầm...

Khi có rét đậm, rét hại, sương muối người dân thường mặc ấm, quàng khăn, đội mũ; sưởi ấm cho vật nuôi; tưới nước cho rau, hoa khi có sương muối vào sáng sớm; che chắn bảo vệ cho cây trồng.

- Phòng chống và thích ứng với ngập lụt



Hình 2. Khơi thông cống rãnh khi có ngập lụt.



Hình 3. Tăng cường dạy bơi cho học sinh.



Hình 4. Hạn chế đi qua những khu vực ngập lụt.

Phòng chống ngập lụt luôn là mối quan tâm hàng đầu của người dân xứ Lạng, hằng năm ở các thôn xóm người dân thường tổ chức các buổi lao động công ích, khơi thông mương máng nhằm hạn chế hiện tượng nước ứ đọng. Nhằm giúp trẻ em thích ứng với hiện tượng thiên tai ngập lụt, Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn đã chỉ đạo các trường trên địa bàn tỉnh tổ chức các lớp dạy bơi cho học sinh.

Khi xảy ra ngập lụt, người dân Lạng Sơn đã nhanh chóng ngắt cầu giao điện để tránh bị điện giật, chập cháy; nếu nước dâng quá cao thì mặc áo phao (nếu có) hoặc bám thật chắc vào một vật nào đó có thể nổi được trên nước và nhanh chóng tìm cách di chuyển lên vị trí cao, an toàn hơn; khơi thông cống rãnh thoát nước; không đi lại qua những khu vực bị ngập lụt.

- Phòng chống lũ quét, sạt lở đất đá



Hình 5. Sạt lở đất đá tại Bình Gia, Lạng Sơn tháng 5 năm 2022



Hình 6. Sạt lở đất đá tại Song Giáp, Văn Quan tháng 5 năm 2022

Lũ quét và sạt lở đất đá là hiện tượng thiên tai thường xuyên xảy ra tại Lạng Sơn, đặc biệt ở các vùng đồi núi. Khi có lũ quét, sạt lở đất đá người dân các huyện đã nhanh chóng thông tin tới lực lượng chức năng, đồng thời tránh xa khu vực có lũ quét, sạt lở đất đá; không đánh cá, vớt củi, bơi lội qua sông, suối khi có mưa lớn hoặc có dấu hiệu bất thường.

EM CÓ BIẾT

Mưa lớn trên diện rộng từ đêm 9/5/2022 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đã gây ra lũ quét, sạt lở đất và ngập úng ở nhiều nơi, gây thiệt hại lớn về người và tài sản. Tính đến 17 giờ ngày 11/5/2022 trên địa bàn tỉnh đã có 2 người chết, 1 người bị thương, 1 người mất tích; sập, đổ tường 34 ngôi nhà; 1.812 nhà bị ngập nước và ảnh hưởng do sạt lở đất vào nhà; 4.962 ha lúa và hoa màu các loại bị ngập cục bộ; diện tích cây công nghiệp ngắn ngày bị thiệt hại 1.193 ha; diện tích cây công nghiệp dài ngày bị thiệt hại 25,5 ha; diện tích thủy sản bị cuốn trôi, ngập khoảng 46 ha, số lượng cá thiệt hại 27 tấn; 13.941 con gia súc, gia cầm bị chết, cuốn trôi; 8 đập, hồ chứa bị ảnh hưởng, 5 trạm bơm bị ngập; 1.200 m mương bị sạt lở, vùi lấp; khối lượng đất, đá bị sạt lở trên các tuyến quốc lộ là 36.700 m³, trên tuyến huyện, xã là 62.550 m³; nhiều tuyến đường ngập úng cục bộ; 307 điểm đường giao thông bị ngập, sạt lở; 8 cầu dân sinh bê tông bị nước cuốn trôi; 60 cột điện bị đổ, gãy....Tổng thiệt hại ước tính trên 390 tỷ đồng.

(Trích Báo Lạng Sơn ngày 12/5/2022)

- Phòng chống và thích ứng với nắng nóng, khô hạn



Hình 7. Nắng nóng tại Chi Lăng - Lạng Sơn tháng 7 năm 2022

Trong những năm gần đây, nắng nóng khô hạn có xu hướng gia tăng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, gây khó khăn lớn cho sinh hoạt của người dân trong tỉnh. Do đó, để hạn chế ảnh hưởng của nắng nóng, khô hạn người dân Lạng Sơn thường tích trữ nước cho đồng ruộng bằng cách xây dựng hệ thống thủy lợi như hồ chứa, trạm bơm. Để tránh nắng nóng, người dân xứ Lạng thường hạn chế ra ngoài trời vào giữa trưa, mặc áo chống nắng và uống nhiều nước.

II. MỘT SỐ BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở LẠNG SƠN

1. Thực hành vệ sinh làm sạch môi trường

- *Mục tiêu:*

- + Rèn luyện kỹ năng lao động vệ sinh.
- + Tự mình thực hiện được các công việc vệ sinh lao động.
- + Nâng cao ý thức của học sinh và người dân trong việc bảo vệ môi trường.

- *Chuẩn bị:* Tùy điều kiện thực tế, có thể chuẩn bị những dụng cụ như xô, chổi, cuốc, xẻng, găng tay...

- *Địa điểm:* Chọn một trong các địa điểm thường xuyên có nhiều rác như chợ, cống rãnh, sông ngòi, khu du lịch, trường lớp, sân vận động...

- *Nội dung:* Quét dọn, vệ sinh, làm sạch các địa điểm đã lựa chọn.

- *Yêu cầu:* Vệ sinh cần sạch sẽ các địa điểm được lựa chọn.

- *Thu hoạch:* Viết bản tường trình về những việc em đã làm để địa điểm em vừa lao động trở nên sạch đẹp hơn, nêu ý nghĩa của những việc làm đó?



Hình 8. Học sinh các trường THPT trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn tham gia lao động vệ sinh khu vực trường, lớp.

2. Thực hành trồng cây bảo vệ môi trường

- *Mục tiêu:*

- + Rèn luyện kỹ năng trồng và chăm sóc cây xanh.
- + Tự mình trồng được ít nhất 1 cây xanh.

- *Chuẩn bị:* Tùy điều kiện thực tế, có thể chuẩn bị một số loại cây phù hợp với điều kiện địa phương để thực hành trồng cây, như: cây hổi, quế, thông, na, vải, quýt, hoa hồng, hoa cúc...

- *Địa điểm:* Chọn một địa điểm có thể trồng cây như vườn trường, đồi, chợ, khu du lịch, sân vận động...

- *Nội dung:* Mỗi học sinh/nhóm học sinh trồng và chăm sóc ít nhất 1 cây xanh.

- *Thu hoạch*: Viết báo cáo bằng hình ảnh về cây xanh qua 1 tuần/1 tháng chăm sóc. Nêu ý nghĩa của việc trồng cây tại địa điểm em vừa thực hiện và ý nghĩa của việc trồng cây.



Hình 9. Trải nghiệm trồng chăm sóc cây xanh bảo vệ môi trường

3. Thực hành tuyên truyền bảo vệ môi trường

Lựa chọn 1 trong các hoạt động sau:

a. *Thi thiết kế video: Môi trường qua ống kính bạn trẻ*

- *Nội dung*:

+ Chia lớp thành các nhóm dự án từ 5 - 7 thành viên.

+ Mỗi nhóm quay phim, sản xuất video clip phản ánh những nội dung, thông điệp, sáng kiến, giải pháp, mô hình hoạt động về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua ngôn ngữ truyền hình. Tác phẩm được định dạng: .avi, .mpeg, .mpg, .mkv, .wmv, .asf, .f1v, .3gp, .mp4.

+ Thời lượng tác phẩm đảm bảo tối thiểu 02 phút và tối đa 07 phút.

- *Thang điểm*:

Nhóm	Sáng kiến, giải pháp (2 điểm)	Thông điệp (2 điểm)	Hình ảnh, âm thanh (2 điểm)	Sáng tạo (2 điểm)	Lượt chia sẻ (2 điểm)
.....					
.....					
.....					

- *Hình thức*:

+ Chia sẻ video trên các phương tiện thông tin như facebook, tiktok..., tính số lượt chia sẻ, nhóm nhiều chia sẻ nhất đạt điểm cao nhất mục chia sẻ, các nhóm còn lại điểm thấp dần.

+ Trên lớp chiếu các video của các nhóm, đánh giá chéo giữa các tổ.

b. Thi vẽ tranh: Môi trường qua nét bút bạn trẻ

- *Nội dung:*

+ Chia lớp thành các nhóm dự án từ 5 - 7 thành viên.

+ Mỗi nhóm thảo luận vẽ tranh phản ánh những nội dung, thông điệp, sáng kiến, giải pháp, mô hình hoạt động về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Tác phẩm được định đóng khung treo trên giá hoặc tường.

+ Tranh được vẽ trên khổ giấy A3 hoặc A2.

- *Thang điểm:*

Nhóm	Sáng kiến, giải pháp (2 điểm)	Thông điệp (2 điểm)	Hình ảnh, (2 điểm)	Sáng tạo (2 điểm)	Lượt chia sẻ (2 điểm)
.....					
.....					
.....					

- *Hình thức:*

+ Chia sẻ bức tranh trên các phương tiện thông tin như facebook, zalo..., tính số lượt chia sẻ, nhóm nhiều chia sẻ nhất đạt điểm cao nhất mục chia sẻ, các nhóm còn lại điểm thấp dần.

+ Thuyết trình sản phẩm và đánh giá chéo giữa các tổ.

c. Thi đóng kịch: Vì cuộc sống xanh



Hình 10. Đóng kịch bảo vệ môi trường

- **Nội dung:**

+ Chia lớp thành các nhóm dự án từ 5 - 7 thành viên.

+ Mỗi nhóm xây dựng một đoạn tiểu phẩm phản ánh những nội dung, thông điệp, sáng kiến, giải pháp, mô hình hoạt động về bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Thời lượng tiểu phẩm đảm bảo tối thiểu 03 phút và tối đa 07 phút.

- **Thang điểm:**

Nhóm	Sáng kiến, giải pháp (2 điểm)	Thông điệp (2 điểm)	Diễn cảm (2 điểm)	Trang phục (2 điểm)	Sáng tạo (2 điểm)
.....					
.....					
.....					

- **Hình thức:**

+ Học sinh đóng kịch trên lớp.

+ Đánh giá chéo giữa các tổ.

LUYỆN TẬP

Câu 1. Em hãy cho biết, người dân Lạng Sơn đã làm gì để phòng chống và thích ứng với một số hiện tượng thiên tai tại Lạng Sơn?

Câu 2. Khi có ngập lụt, em cần làm gì để bảo vệ an toàn cho bản thân?

Câu 3. Việc làm nào sau đây giúp đối phó với hầu hết các loại thiên tai?

A. Đi sơ tán.

B. Buộc, gia cố nhà cửa cho chắc chắn.

C. Trang bị kiến thức đầy đủ về thiên tai.

D. Chuẩn bị thuốc men đầy đủ.

VẬN DỤNG

1. Vận dụng kiến thức đã học, em hãy tuyên truyền cho người dân về ý thức bảo vệ môi trường.

2. Em hãy trồng và chăm sóc ít nhất 1 cây xanh tại gia đình đồng thời vận động người thân trong gia đình tham gia trồng cây.